

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Lê Hồng Hưng (II)

Tiểu sử

Hiện định cư tại Hoà Lan.

Tác phẩm

Dòng sông sữa mẹ, Trông vời quê cũ.
Truyện hay hải ngoại



Mục Lục

Mùi tôm bạc đất – 2

Chuyến đò tốc hành - 12

Trên một dòng sông – 18

Phụ đính:

Thời lưới gộc - Ngày nghinh Ông bên vàm sông Ông Đốc

Cháo Chuột - Gởi nhà văn Nguyễn Ngọc Tư

Bão ngoài trời bão trong lòng

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Mùi tôm bạc đất

Những năm lưu lạc nơi xứ người, tôi đã ăn rất nhiều tôm tép, nhưng chưa lần nào ăn cho ra hồn! Mấy năm đầu tới định cư ở Hòa Lan, tôi thường lên khu phố Tàu trên Amsterdam mua tôm khô, củ kiệu đóng hộp đem về trộn chung, bày tiệc mời bạn bè tới nhậu. Nhưng tôm gì mà mặn chằng, cứng ngắt cứng còng, còn củ kiệu ngọt ngay, mềm như củ mộc. Hai thứ bỏ vô miệng nhai vừa xum vừa xảm kỳ cục làm sao.

Tôi cũng có ăn tôm cóc-tai của Tây phương, món này tôm luộc lột vỏ, bỏ vô ly thủy tinh cao cảnh, dưới đáy ly lót miếng xà lách. Trước khi ăn rưới sốt mayonnaise pha tỏi, tiêu, chanh, ngò tây xắt mịn và rượu whisky lên. Để cho ly cóc-tai thêm phần duyên dáng, người ta cắt một khoanh chanh gắn lên vành ly. Trông rất đẹp mắt, nhưng gia vị hầm bà lằng như vậy làm mất hết mùi tôm nguyên chất.

Có một dạo báo chí, đài truyền hình, đài phát thanh của Hòa Lan loan tin rầm rộ có người chết vì ăn nhầm tôm tép nhập cảng từ Á châu. Tin gây xôn xao trong dân chúng vương quốc Hòa Lan và bay ra tận ngoài khơi, trong lúc tàu đương hải hành giữa Đại Tây Dương. Nghe đâu một người chết, năm sáu người ngất ngư phải đem vô nhà thương rửa ruột. Câu chuyện làm thủy thủ đoàn bàn tán rùm beng... Cuối cùng ông thuyền trưởng đề nghị đầu bếp đem bao nhiêu tôm trong phòng đông lạnh liêng bỏ hết xuống biển. Ông nói, ngửa trước tốt hơn, lỡ ăn tôm có bẻ gì ở giữa đại dương không có nhà thương rửa ruột.

Vốn lớn lên trên một quê hương giàu tôm cá, tôi thấy người ta ăn nhầm mật con cá nóc mới chết, chớ chưa từng nghe ai ăn tôm tép chết bao giờ. Dĩ nhiên, tin tức loan rầm rộ, có cả hội đồng y khoa xác nhận, ắt hẳn hồng phải tin gà, tin vịt rồi. Nhưng sao lòng tôi không thấy chút nào xao động hay sợ hãi. Tôi nhứt định để dành mấy hộp tôm lại. Mỗi chiều tôi luộc một mớ, làm một đĩa nhỏ chanh, tiêu, muối đem lên phòng nhậu với bia lạnh. Tôi ăn dần trong hai tuần lễ hết sạch sáu ký tôm thẻ. Vậy mà trong người tôi hồng thấy có triệu chứng bệnh đau gì ráo! Rồi từ đó trở đi tôi không còn biết thêm thưởng tôm tép như trước kia nữa.

Còn vụ ăn tôm tép cho 'ra hồn' thì chuyện đã xảy ra hơn mười lăm năm trước lặn. Năm đó tôi mới mười chín tuổi. Gia đình tôi sanh sống bên vàm sông Ông Đốc. Anh em tôi mần nghề đánh cá, đi bạn cho người ta, tay làm lắm khi hồng đủ để cho hàm nhai. Vì vậy ngoài nghề biển ra phải mần một chuyện gì phụ khác chêm thêm, chớ hồng thôi nhằm lúc biển động dai dẳng, cả nhà treo mỏ hết.

Vì lẽ đó những ngày biển êm anh em tôi đi bạn. Biển động lên rừng móc cua, bắt ba khía. Động nam dai dẳng thì làm vọt cùng ba tôi bơi xuồng đi xúc tôm càng theo sông, rạch.

Mùa động nam năm ấy, tôi bơi xuồng đi xúc tôm càng với ba tôi. Lần hồi vô tới rạch Vinh, thì trời vừa đổ mưa to. Gió lớn quá mà hai cha con chằng nghịch dưới nước cả buổi, lạnh tím môi, miệng đánh bờ cạp, nhưng bù lại trúng tôm càng xanh. Số tôm này đem cân bán lấy tiền đong gạo chắc cũng đủ nuôi sống gia đình được vài ngày. Nước bắt đầu lớn, tôm lội lan ra ngoài, xúc cũng không có nữa. Sẵn thấy chòi bác ba Đốc bên bờ rạch, ba tôi kêu tôi bơi xuồng ghé vô đụt mưa, luôn tiện thay áo quần khô cho ấm, chờ tạnh mưa hẳn rồi về.

Dạo đó rạch Vinh còn là khu rừng rậm, cây cối tạp nập. Dọc theo hai bên bờ, nhiều chòi đóng đậy, đặt đó dựng lúp thúp dựa lưng bìa rừng. Những người khác, đầu con nước họ vô đóng đậy, đặt đó, cuối nước họ về nhà. Riêng bác ba không ưa cảnh ồn ào làng xã, mới ở miết trong này. Căn chòi bác ban đầu cũng đơn sơ như những căn chòi khác, nhờ bác tu bổ lần hồi chòi biến thành nhà có bàn thờ bác gái, có buồng ngủ riêng cho con gái bác. Bên hông nhà một chái bếp. Tiếp liền bên ngoài sân đất cao, rộng dành phơi tôm, phơi củi. Chung quanh khu nhà bao bọc rừng rú âm u...

Bác mần nghề đặt đó, người ta kêu ông ba Đốc riết rồi chết danh. Bác sống với Phương, đưa con gái duy nhứt, mười bảy tuổi. Năm Phương học lớp ba trường xã, chẳng may bác gái bệnh qua đời, nàng phải bỏ học trở về phụ bác trai lo việc nhà. Những khi bác Ba dỡ đó đem về, Phương lựa tôm lựa luộc phơi khô, tôm to đem rộng chung với cá bóng trong chiếc rộng mây thả dưới bờ rạch, chờ khảm khảm chờ qua nhóm chợ vàm. Phương có nước da màu bánh ít, mặt chữ điền, mắt đen, mình dầy, tánh tình vui vẻ. Mỗi khi qua

chợ bán tôm cá, nàng thường mua bài ca đem về ngâm nga những khi rảnh rỗi. Buổi trưa người ta chèo xuồng dưới dòng rạch, nghe văng vẳng giọng nàng vừa làm đào vừa làm kép, hát cả tuồng cải lương.

Bác Ba ngồi trên bộ vật nhâm nhi rượu đế. Thấy cha con tôi lên bác vui vẻ đón mời:

– Kia, anh Bảy với thằng Cu. Chà, hai tí con chẳng nghịch dưới nước hồi sớm tới giờ lạnh lắm hả? Vô đây mần vài cốc cho ấm bụng.

Bác day ra nhà sau, kêu:

– Phương, lấy thêm chén dĩa, còn hai con cua rạch son con bỏ vô nồi luộc cho ba.

Có tiếng dạ của Phương phía nhà bếp. Bác day qua hỏi ba tôi:

– Xúc khá hôn anh?

– Chừng mười mấy hai chục ký à anh – luôn tiện ba tôi hỏi – anh cho nhờ cái buồng thay đồ một chút.

– Được, được, anh với thằng Cu vô trong kia kìa.

Sau khi tôi với ba tôi thay áo, quần khô trở ra, chén dĩa đã dọn sẵn. Tôi được cho ké một cốc rượu và đớp một con vọp đưa cay. Ba tôi kêu tôi ra nhà sau coi có chuyện gì mần cứ phụ. Tôi bèn đi ra nhà sau. Phương đang vo gạo ngoài sân lãng, thấy tôi nàng cười cười. Tôi xớ rớ chưa biết phải làm gì, chợt thấy trên bếp, chảo tôm sôi ùng ục, bốc hơi nghi ngút, cạnh bên nồi cua cũng vừa lên bọt. Tôi hỏi trống:

– Chảo tôm trở được chưa đây?

Phương vừa chăm chú chắt nước cơm vừa nói:

– Được rồi.

Sẵn chiếc bù cào dựng bên vách, tôi cầm lên, dở nắp chảo tôm ra trộn. Trở tôm xong, tôi day qua trở luôn nồi cua. Lúc đó Phương bưng nồi cơm vô bắc lên chiếc lò bên cạnh, chụm thêm mấy cây củi, kê miệng thổi một hơi, lửa phụt lên. Nàng day ngang bưng nồi cua xuống, bỏ cua ra đĩa, bưng lên nhà trên. Tôi thấy tôm đã phỏng vỏ vớt ra được rồi, nhưng còn chờ hỏi Phương.

Khi nàng trở xuống, tôi hỏi:

– Tui vớt tôm ra ngen?

Phương ngó qua chảo tôm một cái, nói:

– Ủ' vớt đi.

Nói vậy rồi nàng bỏ đi ra sân lãng đánh vài rổ cá bóng dừa... Hai người lớn vẫn ngồi nhậu lai rai nói chuyện đời. Một lát sau cơm cá chín. Phương dọn lên mời tất cả cùng ăn. Miết này có câu 'thấy ăn thì ăn, thấy mần thì mần' là vậy đó.

Trước đây hai nhà chỉ quen biết sơ sơ, nhưng nhờ lần đụt mưa hôm đó mà đôi bên thân nhau. Có dịp đi ngang rạch Vinh làm gì làm ba tôi cũng ghé thăm bác Ba nhậu vài cốc. Còn bác qua chợ, thế nào cũng ghé lai rai với ba tôi. Hồng biết hai ông bần tính làm sao. Mùa động nam năm kế, ba tôi kêu tôi lại, ông nói:

– Năm nay mầy qua rạch Vinh phụ bác Ba, chuyện xúc tôm để tao với anh Bảy mầy lo.

Tôi hỏi:

– Chùng nào ba?

– Chiều mới.

Ngay ngày hôm sau, tôi bắt đầu một nghề mới. Tôi xếp mấy bộ quần áo, bỏ vô chiếc nóp, cuốn lại cẩn thận. Lúc tôi sửa soạn đồ đạc, má tôi tới ngồi cạnh bên, giọng bà từ tốn dặn dò:

– Con qua bên lạ nước, lạ cái, chuyện nào hồng biết thì hỏi bác Ba, đi đứng dòm trước ngó sau, ăn coi nòi, ngồi coi hướng, chớ có luông tuông như ở nhà mình hồng được đâu nghe con.

Tôi ngỡ vì lần đầu mần ăn ở lại nhà người ta, nên má tôi mới dặn kỹ như vậy. Nhưng sao giọng nói bà cảm động giống như hồi dặn chị tôi trước ngày gả theo chồng quá? Tôi không biết nói sao, cứ dạ dạ rồi ngồi thừ, cho tới khi nước trở rờng, Phương chèo xuồng ra chở tôi vô rạch Vinh.

Miệt này trai gái mới gặp nhau lần đầu hỏi thứ để dễ xưng hô. Khi quen biết rồi gọi bằng tên cho thân mật. Tôi tên Cu, tên xấu háy, vì dầm mưa dãi nắng da đen thui, nên bà con gọi tôi là Cu Đen. Hồng lẽ nói chuyện với nhau Phương cứ kêu tôi Cu này Cu nọ, nghe kỳ cục quá. Vì vậy nàng vẫn giữ như ban đầu nói trỏng, hoặc gọi thứ thay tên.

Những ngày trong rạch Vinh, ban đêm tôi bơi xuồng theo bác Ba dờ đó. Ban ngày thăm lại những tấm đặng. Tấm nào rách ít bện lại tại chỗ, còn rách nhiều kéo lên thay tấm khác. Ngoài ra tôi còn phụ quơ củi, chẻ củi, đập tôm. Lắm khi không có chuyện mần, Phương rủ tôi vô rừng chặt củ hủ chà là, hái bần, bình bát hoặc làm móc đi kiếm vạt cò móc trứng.

Có hôm bác Ba dẫn tôi đi bắt vọp, bắt cua. Lội qua một trảng nước rộng, mực nước ngang đầu gối, trong làn nước phè lên những bọt trắng giống như con sứa bám trên mặt bùn, bên trong có nhiều chấm nhỏ li ti đen óng ánh. Tôi bẻ nhánh cây định vít bọc lên coi. Bác Ba liền ngăn:

– Ê! Coi chừng bể, bọc tôm đó.

– Bọc tôm?

Thấy tôi lớ ngớ chưa biết, bác dừng lại giải thích:

– Những bọc này là trứng tôm còn non, chùng nào già bọc bể ra... Bác chỉ tay xuống một bọc... Nè con thấy hôn, mỗi chấm li ti trong bọc là mắt tôm, tôm này do đất sanh nên người ta mới gọi là tôm bọc đất.

Bác nói vậy tôi nghe vậy chớ biết ắt giáp gì đâu. Nhưng theo tôi được biết tôm càng, tôm gai, tôm bầu... có ôm trứng dưới dạ bụng. Riêng các loại tôm bạc không thấy trứng bao giờ. Hồi tôi học quốc sử lớp ba, có đọc chuyện ông Lạc Long Quân và bà Âu Cơ, ăn ở với nhau sanh bọc trứng nở trăm con. Còn bọc tôm ở đây lủ khủ, lớn bằng cái mâm, nhỏ bằng chiếc nắm. Nếu y như lời bác Ba nói, một bọc sẽ nở ra hàng ngàn con, hơn bọc trứng của bà Âu Cơ nhiều lắm.

Có lẽ nhờ tôm bạc đất sanh sôi nảy nở nhiều như vậy, nên mấy ngày nước sủ, đôi khi tôm nổi lênh bênh mặt nước, chúng giơ râu tràn vô đó ào ạt. Sợ bể đó, bác Ba tháo đặng, day miệng hom lại cho luồng tôm đi trớt ra ngoài. Sau đó, hai bác cháu mới nhảy xuống khiêng nguyên cái đó vô bờ, lặn lên chớ rinh đó như bình thường hồng nổi.

Tôm bạc đất màu hơi xanh, vỏ mỏng, đúng lứa lớn cỡ hai lóng tay út. Vì sanh ở đầm, tràn nước lợ nên thịt tôm ngọt, luộc phơi khô màu đỏ tự nhiên. Nhờ vậy tôm bạc đất làm khô bán mắc tiền hơn tôm biển.

Hồi hôm đó được mấy con cua rạch son, trong bữa cơm sáng, hai bác cháu luộc nhậu vài ba cốc. Tôi say ngà ngà, lăn ra bộ vạc đánh một giấc thẳng cẳng... Nhớ hồi nằm ngủ không có mền gối gì hết, nhưng mở mắt ra gối kê đầu, mền phủ lên tới ngực. Tôi rùng mình trở dậy, ngó dáo dác không thấy ai ở nhà, tự nhiên lòng lo sợ vu vơ. Phải ngồi định thần một lát cơn sợ mới trôi qua. Tôi ngó ra dòng rạch, không thấy một bóng xuồng. Nắng đã nhạt, trời xế chiều rồi. Tiếng chim vang dội khu rừng, con kêu cạc cạc, con ùng ục, con chét chét... lờn xộn không nhịp nhàng gì hết, nghe buồn chín ruột, chín gan. Không hiểu sao bác Ba và Phương sống được với cảnh này? Lòng tôi đương hoang mang trong cảnh rừng chiều vắng vẻ, chưa biết phải làm gì, bỗng nghe tiếng Phương ngân nga ở phía sau nhà:

– Đố ai quét sạch lá rừng, để tui khuyen gió gió đừng rung cây... Đố ai nằm ngủ không mơ...

Giọng hát ngọt ngào, nương theo gió, xóa tan nỗi buồn vô cớ ở trong lòng. Tôi bước xuống, đi ra chái bếp. Trên chiếc chõng, rổ cá bóng dứa đánh vảy sạch sẽ, để cạnh thau tôm bạc đất cũng rửa sạch. Nồi cơm trên lò đã cạn, củi, than trong lò được gạt bớt ra. Sẵn cái ca úp trên đầu cây cắm bên khạp da bò, tôi lấy múc một ca nước súc miệng, luôn tiện múc thêm một ca, ngửa cổ lên nốc ừng ực một hơi đã khát. Tôi bước ra phía sau nhà, thấy Phương đương lui cui hái trái dác. Tôi đến bên đít mà nằng hồng hay, cứ ngâm nga ca vọng cổ.

– ... Bốn mùa bông cúc nở xây, thử coi trời đất bất duyên này địa ai... ơ. ơ...

Chờ nàng dứt câu, tôi nói:

– Địa tui nè chớ địa ai.

Phương dụt mình ngó lên, tay chặn ngực, quát:

– Cái anh mắc dịch, mần người ta hết hồn hết vía hà!

Sau khi hoàn lại 'hồn vía' nàng bẽn lễn cúi mặt, tay trộn trộn những chùm trái dác. Tôi bèn giả lả cầu hòa:

– Xin lỗi, tui giỡn chơi.

– Hứ, giỡn gì mà kỳ cục.

Phương xốc xốc rỏ trái dác, nhắm chừng nấu đủ nồi canh, nàng đứng dậy đi vô. Tôi men theo, hỏi:

– Bác Ba đâu rồi?

– Ba tui qua chợ câu tôm.

– Ủa, bác địa bẽn sao hồng rủ tui cà?

– Tại anh ngủ mê quá... Ngập ngừng một chút nàng tiếp: "Hồi sớm thấy trời nắng tốt, ba tui dặn, chừng nào anh thức kêu anh bữa củi phơi, nhưng thấy anh ngủ ngon quá tui hồng kêu. »

Tôi gãi đầu nhăn nhó, tìm cách bào chữa:

– Đã vậy còn đắp mền kê gối cho tui nữa, làm tui ngủ mê như chết, bây giờ bữa củi ra nắng đâu nữa mà phơi?

– Xí, đợt bữa chắc phải chẻ ống quyển ra chụm trước. Tui bữa hết rồi... – nàng chỉ tay qua đồng củi ở góc sân – ... anh lợi đặng ôm vô dùm cái coi, hồng ấy trời mưa xuống ướt hết bây giờ.

Tôi ngó mặt lên nhìn trời. Ở hướng Tây mây đen cuộn cuộn chuyển. Mấy trống chạ che khuất nửa mặt trời, còn một nửa chiếu ánh hào quang ra tạo thành cái mống cụt ngắn vắt ngang phía Nam. Mống dài trời

nắng, mỏng gần trời mưa.

Tôi chỉ tay qua hướng Nam, kêu:

– Cô Phương!

Nàng ngoái lại:

– Gì đó?

Tôi chỉ tay lên cái mỏng:

– Kìa, cô coi kìa.

– Tưởng gì, cái mỏng mà cũng lạ dữ?

– Ê! Mỏng chuồng là... muốn chồng!

– Xí, vô duyên!

Nàng mắng nhẹ tôi một cái, rồi bưng rổ trái dác đi le te vô nhà. Tôi đi qua đóng cửa, gom lại, ôm vô sắp ngay gần dựa bên vách bếp.

Phương quần quật suốt ngày, vậy mà bếp núc nàng lo rất chu đáo, tôm cá dưới rạch, rau cỏ trên rừng, nàng đem về chế biến thành những món ăn ngon. Chiều nay Phương nấu canh chua trái dác với cá bóng dứa, món mặn có tôm rang muối, tóp mỡ, tỏi, hành. Ngoài trời cơn mưa chiều bắt đầu rớt hạt, tôi ôm củi vô cũng vừa xong. Phương bận tay bếp núc, nên nàng day qua kêu tôi:

– Anh Chín, ra đẩy máng xối qua miệng khạp hứng nước rồi khép cánh cửa lợi dùm tui cái coi.

Tôi đi ra đẩy máng xối, khép cửa lại. Trời im gió, mưa thẳng giọt. Sóng biển mọi hôm vang tiếng rầm rầm, chiều nay dịu bớt nghe ào ào. Có lẽ trời trở đồng chung nay mai.

Như thường lệ, nấu cơm xong, Phương bới cơm, múc cá đem lên bàn thờ cúng bác gái. Hôm nay vì bác trai qua xã chưa về, nên sau khi dọn cơm cúng, nàng lấy mẻ un ra nhúm. Trong lúc chờ cơm tôi ra trước nhà ngồi khoanh tay rề. Ngoài trời mưa đã tạnh. Những chiếc xuồng bắt ba khía đêm nay đi đồng trong ngọn rạch Vinh, khua dầm, khuấy nước lặn lướt lướt qua. Họ khát chuyện ốm tỏi. Tiếng một gã thanh niên hô to:

– Cô Phương ơi tui thương cô quá chời quá đất cô ơi!!!

Tiếp theo là giọng một đứa khác:

– Bác Ba ơi! Cho tui mần rể bác ơi bác ơi!!!

Tiếng đứa nào đó thô lỗ hơn:

– Ông già ơi hồi ông già, có con hồng gả đót nhà ông coi!!!

Những câu chọc ghẹo tương tự, tiếng cười rộ dưới dòng rạch vang dội lên khu rừng. Tôi áy náy ngó qua Phương, nhưng mặt nàng vẫn điềm nhiên. Nàng nói nhỏ với tôi:

– Lần nào đi ngang, họ cũng chọc tui om xòm trời đất.

– Bộ Phương hồng tức mình sao?

– Hồi đó tức lắm, tui mới chửi họ, nhưng ba tui kêu tui vô rầy. Ông nói, làm hoa phải cho người ta ngắm, làm gái phải chịu cảnh người ta chọc ghẹo, chớ dữ như chằng tinh gấu ngựa ai thềm dòm.

Dân miệt này, có gái tới lúa, người ta ví như hũ mắm treo đầu đẳng, đêm ngày canh giữ chằng chằng. Còn bác Ba dạy Phương nên mở rộng tấm lòng, cần có óc vị tha với mọi người. Tuy nhiên, bác cũng có lý của bác! Nguyên do Phương mỗi ngày một lớn, lại ở nơi hẻo lánh, cũng cần giữ tánh nề nếp đàng hoàng cho người ta chú ý. Nhiều hôm hai đứa bơi xuồng vô rừng quơ củi, Phương bận áo bà ba trắng, gặp mưa ướt, áo bó sát thân người, để lộ cặp vú tròn tròn như hai trái bần ổi. Trước mắt tôi, mà nàng vẫn tự nhiên, không tỏ vẻ mắc cỡ gì hết.

Tiếng động khua nước, tiếng nói, cười của đoàn người bắt ba khía xa dần rồi im bật. Dòng kinh trở nên im lặng như tờ. Trên cây bần de ra dưới mé rạch, bày đom đóm bu đầy, nhấp nha nhấp nháy, nhịp nhàng theo hơi thở, giống như muôn ngàn vì sao hội.

– Cô Phương ơi!

Phương vừa thổi bếp un, khói lên cay, làm nước mắt chảy ràn rụa. Nghe tôi réo, nàng ngước lên:

– Gì vậy?

Tôi chỉ cây bần dưới dòng rạch, nói:

– Sao mà đom đóm tụ lợi có mình ên cây bần vậy?

– Tại đom đóm thích mùi cây bần.

Phương trả lời gọn bần rồi lui cui bưng bếp un để giữa nhà. Sau đó nàng lại ngồi kế bên tôi. Bỗng nhiên Phương giơ tay lên vỗ mạnh xuống bấp về tôi cái chát. Nghe bấp về ê ầm nhưng đã ngưng, tôi dòm xuống thấy cả chục con muỗi đẹp như cốm đẹp, máu đập đỏ lôm. Bàn tay Phương cũng dính máu, nàng chùi tay vô ống quần lãnh đen, rồi ngước lên nói:

– Anh lấy quần dài bận vô, hông ấy muỗi cắn chết.

Ở rừng là vậy, sau cơn mưa chiều muỗi, bù mắt kêu vo vo, bay như trấu vầy. Tôi đứng dậy đi qua vách buồng, lấy chiếc quần ka ki tròn vô. Một cơn gió lướt ngang làm cây cối vang tiếng ào ào.

Phương nói:

– Gió nồm.

Phải rồi! Trời phân phát gió nồm, báo hiệu mùa đồng chung gần tới. Vậy là tôi sắp sửa về nhà. Tính ra tôi vô đây non hai tháng rồi. Tuy cánh rừng nơi đây buồn lắm, nhưng sao lòng tôi quyến luyến không rời churen. Dạ tôi bồi hồi, tim tôi xao động... Tôi ngồi xuống bên Phương, cầm tay nàng. Nàng vẫn để nguyên cho tôi nắm. Tôi lấy hết can đảm mở lời:

– Phương...

– Gì?

– Mình... mình thương nhau đi!

Tay nàng vẫn để trong tay tôi mặt ngó ra dòng rạch, trả lời:

– Ừ, thương thì thương.

Để ợt! Vậy mà tôi cũng là cà lập cập cho mất thời giờ. Phải xa lạ gì đâu, đằng này tôi đã từng nắm tay Phương dắt qua nương, kéo lên xuống, giỡn hớt, ôm nhau mỗi khi đi rừng, tắm rạch... Nhưng lúc đó lòng tôi hồng có rạo rực như bây giờ. Hình như Phương cũng vậy, xích qua gần hơn, rồi nàng dựa người sát vô người tôi. Được trớn, tôi ôm chặt Phương. Nàng quần quai như con chồn mướp. Một nụ hôn đầu được đặt lên má người yêu làm tôi ngây ngất. Tay tôi táy máy rút hàng nút bóp áo bà ba của nàng bật ra tanh tách...

Chợt nghe tiếng xuống lụp cụp đậu vô bên. Tôi giật mình buông Phương ra. Nàng hốt hoảng ngồi dậy như chiếc lò xo bung, tay gài nút áo, churen bước nhanh vô buồng. Tôi đứng dậy đi thẳng xuống bờ rạch, miệng hô lớn cho đỡ ngỡ ngàng:

– Bác Ba dì!

Phương lấy lại bình tĩnh lớt tớt đi ra. Tôi bồi hồi như tên ăn trộm chưa cắp được đồ đã gặp chủ nhà. Định lên tiếng giả lá tỵ trấn an, nhưng bác Ba đã nói giọng nhừa nhựa:

– Thăng Cu Đen đó hả?

– Dạ con đây.

– Mày sửa soạn đồ đạc dì ngoài, ngày mơi còn đi cào đi câu, chứ người ta mới dặn ba mày hồi chiều đó.

Nói dứt câu bác trợn churen té cái đùi, giở đồ cầm tay văng một bên. Tôi lật đặt bước tới đỡ bác dậy. Phương vô nhà bưng đèn ống khói vện tỏ ngọn, ra ngoài rọi đèn lượm giỏ đồ và những món linh kính. Tôi kè Bác Ba lên. Vừa đi theo tôi bác vừa nói:

– Hồi chiều ghé nhà, tao với ba mày mần hết cả lít. Tao muốn quắc cần câu, vậy mà ảnh còn chưa muốn cho tao dì nữa.

Tôi đưa bác ra sà lạng rửa mình. Sau khi sạch sẽ, thay đồ khô ráo, bác lên nằm trên bộ vạt phía trước. Phương xuống bếp hâm lại cơm, canh. Tôi phụ dọn chén đĩa ra chiếc chõng... Khi Phương lên mời ba nàng ăn cơm, thì đã nghe ông ngáy khò khò... Sẵn đó nàng bỏ mùng, tấn cho bác cẩn thận. Xong xuôi, nàng trở xuống ăn cơm với tôi.

Trong lúc ngồi ăn cơm, Phương nói chuyện mà mặt cứ ngó đâu đâu. Để bầu không khí bớt trơ trẽn, tôi định gấp tôm bỏ qua chén cho Phương. Nhưng khi thò đũa gấp lên một cái, mèn ơi! Tôi gấp nhằm chùm râu kéo theo cả chục con tôm tòn ten trên đầu đũa. Tôi gặt gặt mà mấy râu tôm ôn dịch dai nhách hồng chịu rút xuống dùm. Phương đưa đầu đũa phụ gặt xuống mới xong. Sau đó nàng bắt chuyện, kể:

– Hồi đó có hai anh làm rừng. Tới bữa cơm chiều, một anh có cơm nhưng không có đồ ăn. Thấy anh bạn rang một nồi tôm để nguyên đầu, anh ta hỏi mượn một đũa. Anh bạn giở nồi đưa cho mượn, anh kia thò đũa quậy một cái, gấp lên chùm tôm đủ một bữa ăn. Hôm sau anh kia kiếm được tôm đem về rang, bưng qua trả anh kia một đũa. Anh nọ thò đũa qua gấp một cái, chỉ vền vền có một con tôm. Té ra trước khi rang, anh kia cắt đầu tôm trừ lụi. Anh bạn đòi thêm, nhưng anh kia hồng chịu, nói: "Hôm qua mượn một đũa thì hôm nay trả một đũa". Anh bạn tức mình, nhưng cãi hồng được. Từ đó về sau ai rang tôm cắt đầu sẽ bị bà con chê là bọm bãi.

Câu chuyện tôi đã nghe nhiều lần. Tuy nhiên trong lúc này nó xóa tan được sự ngại ngùng. Tôi ăn cơm thiệt ngon. Bây giờ tôi mới thấu hiểu câu má tôi căn dặn hồi tôi sửa soạn vô đây 'ăn coi nồi, ngồi coi hướng' như thế nào. Ai vô miệt này mần rẻ, ăn tôm rang, hãy coi chừng! Vô ý vô tứ, thò đũa gấp nhằm chùm râu tôm, coi lơ mơ vậy đó, mà mất vợ như chơi!

Tụi tôi vừa ăn cơm vừa nói chuyện rừ rừ... Đến khi nghe chồn, cáo thừa đêm tối rục rịch bò đi săn mồi, và tiếng thét của con vật nhỏ xấu số nào bị con thú lớn vồ được. Hai đũa ai nấy nhìn nhau, lua vợi miếng cơm cuối cùng. Rồi bước xuống, dọn chén, đĩa bưng ra sà lạng rửa.

Dọn dẹp xong, Phương vô buồng ngủ. Tôi lật nóp ra chiếc chõng, chui vô. Nhưng cứ trần trọc trần trờ không sao chớp mắt. Lại thêm cơn mưa đêm ác nghiệt kéo tới đổ lên mái lá rào rào, nghe còn cào trong dạ. Có lẽ Phương cũng khó ngủ, nên chốc chốc tôi nghe tiếng trở mình, động vạt cọt kẹt bên trong. Vài lần muốn chui vô buồng nằm với nàng, nhưng ngặt nỗi bác Ba ngủ cách chỉ một tấm vách. Ông già này coi say rượu như vậy chớ thính tai vô cùng. Chồn xuống bắt cá trong ruộng ngâm dưới rạch, ông còn nghe nữa. Huống hồ chun vô mùng mò con gái ông bắt hợp lệ, chết với ông chớ hồng chơi!

Sáng hôm sau Phương chèo xuồng chở tôi về nhà. Tôi có một chút thắc mắc trong lòng. Sao bác Ba hồng tính số chia chác tiền bạc cho tôi? Gần hai tháng công đâu phải ít. Thắc mắc vậy thôi, chớ thiệt ra ba tôi đứng mũi chịu sào trong vụ mần ăn này, chuyện gì từ từ hãy tính. Dẫu sao chuyến này vô đây tôi cũng hồng lỗ, vì tôi đã o được con gái bác. Có ở thêm ba năm cũng chẳng nhằm nhò gì, nói chi chỉ mới gần hai tháng...

Về nhà tôi bị thất tình. Những đêm ra bãi, tôi mần việc mà hồn để tận rạch Vinh. Mong cho mau hết cơn nước, tôi vô thăm Phương. Thiệt ra tuổi đó tôi muốn vợ tới ót rồi. Nhưng ngặt một điều, anh kể tôi còn khờ quá, đã trên hai chục tuổi, gặp gái sợ đến nỗi mặt xanh như tàu lá, hồi tới run như thần lằn đứt đuôi, nói năng lập cà lập cập. Hễ nghe gia đình bàn chuyện cưới vợ cho thì ảnh cự nự om xòm trời đất, như sắp bị tử hình. Vì lẽ đó tôi có muốn vợ cũng đành chịu chớ đâu dám mở miệng đòi.

Nhưng buổi trưa nọ, một cách nghiêm trang má tôi kêu tôi lại, giọng bà từ tốn cũng y như hồi tôi cuốn nóp qua rạch Vinh:

– Hôm con vô ở nhà anh ba, con thấy con Phương thế nào?

Tuy mang một bầu tâm sự, nhưng bị bà hỏi bất ngờ tôi đâm lúng túng, nói:

– Dạ... thì... cổ cũng hiền.

Má tôi họa thêm:

– Chẳng những con Phương hiền mà nó còn giỏi đàn trời. Nhà cửa, tôm cá do một tay nó đó.

– Ờ con biết.

Má tôi dụ giọng:

– Ba má định đi hỏi nó cho con đó, con chịu hông?

Tôi mừng đến đổi bụng dạ nôn nao, nhưng cố dằn, nói giọng phân hai:

– Thì... ba má tính sao được thì tính.

– Nhưng con chịu nó hông cái đã?

– Ừa... chịu!

Chỉ có vậy thôi mà tôi phải lấy hết can đảm nói lí nhí một cách khó khăn rồi bỏ đi ra ngoài.

Cuộc thăm dò ý kiến của má tôi coi như xong. Còn chuyện giữa hai bên có ba tôi với bác Ba. Hai ông già gặp nhau hà rằm, nhậu vô vài ba hột, bàn vụ cưới hỏi, khỏi cần mai mối gì ráo. Bác Ba khen tôi siêng năng, giỏi, chịu khó. Bác nói:

– Cái thằng mặt mày coi bặm trợn vậy mà hiền khô.

À! Thì ra mấy người lớn toa rập với nhau, đưa tôi qua rạch Vinh để cho bác Ba coi giò, coi cẳng... Té ra tôi vô ở rể chớ hông phải đi mần ăn như đã nghĩ. Bắt đầu từ đó hai bên coi như như sui gia. Bác Ba để dãi, cho hai đứa gặp gỡ, trò chuyện tự nhiên, nhưng bác dặn:

– Tao cho tụi bây đường đường chánh chánh gặp nhau, còn chuyện gì khác chờ cưới hỏi xong đã. Chớ có lạng quạng bậy bạ tao đập chết đa!

Điều này bác Ba khỏi cần dặn. Ở miệt này chưa cưới hỏi mà tự do đi chơi với nhau, thỉnh thoảng thừa lúc vắng người ôm nhau, rờ rẫm, hun hít... được vậy là quá mạng lắm rồi chớ dám đâu lạng quạng bậy bạ.

Má tôi mua một bầy vịt con và con heo vừa dứt sữa đem về thả nuôi, gà ở nhà lúc nào cũng sẵn. Cuối con nước, dư chút đỉnh tiền bà ra chợ mua vải để dành, dự định chừng nào có tiền sẽ mua đôi bông tai. Đó là những thứ cần thiết bà để dành cưới vợ cho tôi.

Hết con nước tôi thường vô thăm Phương. Còn nàng mỗi lần ra nhóm chợ, khi chợ tan, ghé nhà ăn cơm, ở lại chơi tới xế mới về. Tôi tiễn nàng bằng cách xuống xuống chèo tiếp tới đầu xóm. Trên đoạn sông đưa tiễn, tôi bắt chước lời mấy bà ru con trong xóm, ngâm nga: "Gái thương chồng đờng đờng buổi chợ, trai thương vợ nắng quái chiều hôm". Câu hát đưa con ấy rất hợp với tình cảnh hiện thời. Nàng xúc động nhìn tôi đắm đuối. Tôi sung sướng vô cùng, mong cho con nước ngược để xuống chậm lại. Nhưng chuyện này không bao giờ xảy ra, vì mỗi khi mần con nước luôn nhằm ngày nước chết. Cho nên buổi tiễn đưa nào tôi cũng thấy thời gian đi nhanh quá!

Tình yêu đầu đời tới một cách suông sẻ. Tôi dự tính, sau khi cưới Phương, vợ chồng sẽ xin ba má cất một ngôi nhà lá bên bờ rừng. Ở với nhau làm lụng kiếm ăn, sanh con đẻ cái như bao cặp vợ chồng trẻ khác trong vùng.

Nếu không có chuyện thời cuộc đổi thay thì hạnh phúc sẽ đến với hai đứa tôi rất tự nhiên như ngọn gió nồm của mùa đông chung năm ấy. Nhưng năm 1978, cái năm mà hầu hết các miệt biển trên quê hương tôi, mỗi đêm đều có người bỏ nhà, ghe bở bến ồ ạt chạy đi tị nạn Cộng sản... Tôi cũng ra đi trong đợt đó. Bỏ lại gia đình, bầy vịt chưa đủ lông, con heo chưa đúng tạ và người vợ sắp cưới, một niềm hy vọng lớn ở tương lai.

Thấm thoát đã hơn mười sáu năm, thời gian trôi nhanh thiệt. Hôm nay tôi trở về bên vàm sông cũ. Ba má tôi đã qua đời. Bác ba Đó cũng đã quy tiên. Hỏi thăm người 'vợ hụt' năm xưa, được biết nàng có chồng và đẻ một bầy con hiện vẫn còn ở bên rạch Vinh, mần nghề nuôi tôm xủ. Tôi định đón đò qua thăm Phương, luôn tiện coi cách nuôi tôm có giống người ta nuôi cá vồ, cá tra không. Nhưng chị tôi ngăn:

– Người ta đã có chồng, con rồi, cậu mày còn chàng ràng qua đó mần gì cho mang tai mang tiếng.

Ban đầu tôi hơi ngỡ ngàng, nhưng chợt nhớ ra, đây là vùng ven, miệt biển, chớ không phải những nước bên tây phương. Dư luận dễ gây hiểu lầm, bị nghi ngờ bở cũ không rủ cũng tới. Lơ mơ ăn dao phay chớ hông phải chơi!

Hỏi tôi đi, máy đứa cháu còn vọc bùn vọc đất. Bây giờ chồng con lủ khủ, tay bông, tay dất về thăm. Một đứa bắt con đứng trước mặt khoanh tay, dạy con nó nói:

– Dạ thưa ông Chín.

– !!!

Tôi rùng mình một cái, thấy thời gian qua cái vèo. Có lẽ tâm trạng của lão Từ Thức ngày xưa chắc cũng

chẳng khác gì tôi hiện giờ. Tôi cúi xuống bồng đứa cháu kêu bằng ông, nhưng nó sợ quá khóc ré lên, day ngang câu chửi má nó cứng ngắt.

Trong gia đình máu mủ, ruột thịt với nhau còn lạ lắm rồi. Huống hồ chi khắp xã này còn được mấy người quen?

Tôi đi từ khu vực ba ra tới đầu khu một. Người đông như kiến cỏ, lạ hoắc lạ hươ. Thịnh thoảng gặp vài người quen chào hỏi, người ta cũng ngần ngại không muốn gọi cái tên Cu Đen như ngày nào. Tôi đứng bên vòm sông, hướng đôi mắt buồn nhìn ra cửa biển. Ngoài khơi vài chiếc ghe đánh cá vật vờ, nhấp nhô. Dưới cảnh chiều, hòn Chuối vẫn như con lạc đà nằm trên dải nước xanh từ ngàn xưa cho đến bây giờ. Thoáng chút ngậm ngùi, ký ức quay về chuyện tình ngày cũ.

‘Gái thương chồng đương đông buổi chợ
Trai thương vợ nắng quái chiều hôm’

Tóc tôi bây giờ đã bạc gần một nửa, tâm hồn tôi không còn những ảo ảnh xa vời. Nhưng nhìn cảnh nắng quái chiều nay trải vàng trên sông rộng, làm sao tôi khỏi chạnh lòng thương nhớ cái dư vị ngày nào. Tuy người xưa còn đó, nhưng khác xa lắm rồi. Có còn chăng, dòng sông dài rộng thênh thang, bên bồi bên lở, mặt nước muôn thuở vẫn đều trôi.

Tôi đi theo bóng mình trở về khu chợ. Trời chiều, chợ cá còn lèo tèo vài mống. Có một cô gái nước da ngăm ngăm, mặt chữ điền, mắt to ngồi nhóm chợ. Tôi giật mình đánh đập một cái! Sao mà giống hệt Phương. Dạ tôi bồi hồi, tim xao động. Nhưng nhìn kỹ... hồng phải! Phương của tôi ngày nào, có lẽ giờ đây đã cần cỗi do sanh nở nhiều lần và nằm nhiều lửa. Còn cô gái ngồi đây mơn mớn trẻ măng. Thấy tôi đứng tần ngần trước mặt, cô ta mở to mắt, sửa lại thế ngồi, nhếch miệng cười, mời:

– Bác mua tôm đi bác.

Tôi giật mình lúng túng, nói:

– Ờ... tui mua...

– Mua bao nhiêu bác?

Tôi chỉ vô chiếc thau:

– Cô cân hết cho tui.

Cô gái lệ làng nghiêng chiếc thau, tay vét gom tôm lại. Chiếc thau lớn, tôm còn ít ỏi, đủ gói trong chiếc lá chuối vắn kèn. Cô gái đưa gói tôm. Tôi vừa đón lấy vừa nói:

– Tôm bạc đất mần khô ăn ngọt lắm.

– Thôi đi bác ơi, tôm tép ở đây bây giờ hồng đủ bán tươi có đâu phơi khô làm mắm.

Tôi tò mò muốn biết thêm chuyện nhà của cô gái, nhưng chưa kịp hỏi gì hết thì cô ta đã xách thau đứng dậy đi te te một nước. Chiều hôm đó tôi đem tôm về nhà. Nhờ chị tôi rang muối, mỡ, hành. Tôi còn cẩn thận dặn cứ để tôm nguyên đầu nguyên đuôi cho tôi. Tuy có cần nhằn thẳng em kỳ cục, nhưng chị cũng làm theo.

Nhưng bữa cơm chiều hôm đó, đĩa tôm rang dọn lên râu ria lờm chờm, sắp chung với đĩa đồ xào, tô canh khoai ngọt trông thấy vô duyên quá cỡ. Không ăn ngại chị rầy rà, tôi cố gắp vài đĩa, nhưng nhai xam xam, nuốt lợn cợn, ăn thêm sợ mắc cổ. Mặc kệ cho bà chị nhìn tôi cười chế nhạo, tôi cứ lờ đĩa tôm rang. Bà chị tôi nào có biết, thiệt tình mà nói, trong đời tôi chưa ăn được bữa tôm nào ngon như ăn tôm rang ở rạch Vinh hồi dạo ấy.

Chuyến đò tốc hành

Tôi ngồi bó gối trong khoang đò tốc hành Sông Đốc - Cà Mau, nhìn đám người lố nhố bán buôn trên bến và những hành khách lần lượt xuống đò. Yển với Hằng đứng trước mũi, vai mang túi hành trang, đảo mắt ngó quanh quất tìm chỗ ngồi. Chợt thấy tôi, hai đứa cố chen lấn đám hành khách đi vô khoảng giữa để ngồi kế tôi cho bằng được. Cả ba lần gặp Yển và Hằng hoàn toàn do sự ngẫu nhiên, vậy mà hai đứa xem tôi như người quen thân từ lâu lắm. Đò chật nứt, chen mông ngồi chưa đặng sạp, Hằng mở miệng định hỏi gì đó nhưng Yển đã nhanh miệng hớt lời:

'Chú đi đâu vậy?'

'Mỹ Tho.'

'Chùng nào chú đià bên?'

'Tuần tới.'

Bây giờ Hằng mới được chen vào, hỏi:

'Rồi bao lâu chú mới đià nữa?'

'Có lẽ vài ba năm.'

'Chùng nào đià chú ghé nhà con chơi.'

Tôi ừ hử cho qua chuyện, nào ngờ hai đứa cầm cúi ghi địa chỉ đưa cho tôi còn căn đi dặn lại biểu tôi đừng quên. Khi đò tách bến ra giữa dòng, gã thanh niên ngồi bên cạnh day qua, hỏi:

'Tụi mày chùng nào trở xuống nữa?'

Thấy cả hai đứa không trả lời, gã bèn bồi thêm một câu:

'Tụi mày mà bỏ đi thì 'Hoa Biển' sẽ ế!'

Gã thanh niên bận áo sơ mi trắng, hờ cổ khoe sợi dây chuyền vàng mặt mỏ neo, quần màu xám tro, tay ôm cặp táp. Có lẽ anh ta là cán bộ huyện hoặc cán bộ xã gì đây. Thấy tôi nhìn, gã ta nở nụ cười đều đưa ra ba bốn cái răng vàng như thềm nói với tôi: "Đừng tưởng hai con nhỏ đó hiền mà làm!". Yển và Hằng vòng tay bó churen, cảm kê lên đầu gối giống như hai con trút cuộn tròn, mắt long lanh muốn khóc!

Sự yên lặng của hai đứa làm tôi áy ngáy, tôi lơ đãng ngó mặt ra dòng sông. Đò lướt nước ào ào, qua mặt những chiếc xuồng chèo dọc theo hai bên mé nước. Những thiếu nữ áo bà ba đủ màu sắc, quần đen mượt, đầu đội nón lá, hai tay ghi chặt cán chèo đưa đẩy, xuồng nhẹ lướt nước theo nhịp đẩy của mái chèo. Hình ảnh anh trai làng đứng chèo chờ cô thôn nữ trên chiếc xuồng ba lá trông giống như một bức tranh ngày mùa.

À, đây là cảnh quê hương mà tôi đã ước mơ trong những năm dài nơi xứ lạ quê người, tôi ước ao một quê hương yên bình, tôi sẽ trở về sống đời sống bình thường với quê hương và quên đi những ngày lưu lạc. Nhưng khi nhìn qua Yển và Hằng tôi nhớ lại trong những ngày về bên dòng sông cũ. Và một ý nghĩ mới lạ len lỏi vào tâm tư. Phải rồi, cái ý nghĩa của sự thanh bình đâu chỉ đơn giản trên một giòng sông!

Đúng ra lần này tôi trở về Sông Đốc cũng được, hồng về cũng chẳng sao. Vì những việc còn lại sau đám ma của má tôi, anh Bảy và chị Năm tôi ở nhà lo cũng được. Nhưng hôm chị Sáu sửa soạn về Úc, chỉ có dặn tôi:

'Chị có nhờ anh Hai ở Mỹ Tho đặt trên thành phố làm tám bia, em chịu khó lên trên lấy, gấn xong cho má rồi hả đià bên.'

Ngày trước vì hoàn cảnh chiến tranh, ba má tôi phiêu bạt xuống miệt này. Mãi đến ngày ba tôi giải ngũ, ông bà mới dặt nhau về xứ sở. Ông bà nội, ngoại tôi đã qua đời. Mang ân hận ở trong lòng, nên mỗi khi nhớ tới, hai người tử thân sụt sùi rơi nước mắt, nói: "Giàu đặng trung đặng hiếu, nghèo mất thảo mất ngay". Và cũng vì nghèo quá ba má tôi phải thêm một lần nữa dặt bày con tha phương cầu thực.

Còn tôi không phải nghèo mặc rệp đến nỗi không có tiền mua vé xe đò về xứ như ba má tôi. Ai đi xa về thì phải rủng rỉnh tiền túi, nhứt là đi nước ngoài, khi trở về phải sang thiệt là sang, sang giống như... Việt Kiều mới được. Còn tôi chỉ là một tên giang hồ vật vãnh, không nhà cửa, không gia đình, tài sản chỉ có vài bộ quần áo lủng lửng trong một chiếc vali. Nếu không hay tin má tôi qua đời thì tôi cũng chẳng về đây để làm gì. Cũng vì lẽ đó mà anh chị em trong gia đình xem tôi như người con bất hiếu. Sợ tôi mang mặc cảm tội lỗi, hễ có dịp tỏ lòng hiếu thảo thì anh chị em 'nhường' cho tôi làm. Theo tôi, chuyện hiếu thảo là chuyện của tấm lòng, màu mè bên ngoài chỉ là hình thức không đáng kể. Tuy nhiên tôi đồng ý đi hàng trăm cây số lấy tấm bia, là vì tôi nhận thấy việc làm này có ẩn chứa một ý nghĩa thiêng liêng nào đó.

Cũng như những tấm bia mộ khác, khắc tên họ, ngày tháng năm sanh và ngày tháng năm từ trần. Cuối cùng có hàng chữ 'các con lập mộ'. Đại khái vậy thôi, nhưng ở suối vàng, má tôi biết được chắc bà sẽ vui lòng vì khi bà mất, các con tản lạc tứ xứ đã tụ hết về đây cùng góp phần xây mộ cho bà. Thấy chân dung cẩn trên tấm bia hơi mờ, tôi thắc mắc hỏi vì sao? Anh Hai, người anh bạn dì của tôi ở Mỹ Tho giải thích: "Tuy hình cẩn vô bia không được rõ ràng, nhưng mưa gió, thời gian sẽ không làm phai nhạt". Anh nói sao tôi nghe vậy, chớ thiệt ra tôi thấy bên Âu Châu những thợ cẩn kiểu này đứng ngoài đường phố, chụp ảnh khách hàng rồi cẩn liền tại chỗ vô tách, ly, đĩa... bằng sành, để người ta đem về nhà chưng trong tủ kiếng. Hình ảnh màu sắc rõ ràng, chớ đâu mờ cam như chiếc bóng, mà còn phải đặt tuốt trên Sài Gòn mới làm được. Tuy vậy tôi cũng cẩn thận gói tấm bia lại bỏ vô bao. Đêm hôm đó tôi ngủ lại nhà anh Hai ở Mỹ Tho, rạng sáng hôm sau tôi ra bến xe liên tỉnh đi thẳng một lèo về bến xe Cà Mau. Sau đó tôi đón xe lòi xuống bến đò.

Không quen cách sinh hoạt nơi đây, khi đổi tiền, tôi nhét đầy túi quần túi áo, cho nên chen chúc giữa đám đông, tôi sanh nghi những người chung quanh ai ai cũng là dân chòm chĩa, cứ chốc lát tôi rờ túi thăm chừng. Thật ra chỉ vì ở Âu Châu không khi nào tôi bỏ tiền nhiều trong túi nên bị ấn tượng đó thôi chớ xứ sở này chắc đâu đến nỗi tệ dữ vậy.

Xe lòi vừa đỗ tôi xuống bến đò, tức thì cả đạo quân phu đò vây quanh mời la chói lói. Người này hỏi: "Anh dìa Khánh Hưng, Đá Bạc hả? Xuống đây chạy liền", kẻ nọ hỏi: "Anh dìa Bà Kẹo, Cái Đồi hả? Xuống đây chạy liền". Tôi nói: "Tui dìa Sông Đốc vàm". Tức thì một anh chòm tới hô lớn:

'Sông Đốc hả? Sông Đốc vàm, xuống đây, xuống đây chạy liền!'

Anh ta vừa nói vừa giơ tay chỉ xuống chiếc võ lải đậu dưới bến. Những ngày đầu tôi rất khó chịu khi nhìn cảnh giành giật khách của mấy anh lơ xe, phu đò và sự bán buôn mời mọc, nhưng dần dà tôi cảm thấy vui vui. Để khỏi lòi thôi mất thời giờ, tôi nói với anh ta:

'Được rồi, tui sẽ đi đò anh, nhưng tui chưa xuống bây giờ, tui ngồi ở quán cơm bên kia đường, chừng nào đò anh 'chạy liền' anh qua đó kêu tui thì tui xuống liền!'

Anh lái đò thấy tôi dí dỏm cũng có duyên, anh ta cười một cái rồi ân cần bước theo tiễn tôi tới cửa quán cơm. Có một chiếc xe lòi mới đỗ người xuống, cũng những giọng ban nãy: "Khánh Hưng, Đá Bạc chạy liền", "Bà Kẹo, Cái Đồi chạy liền" và có cả tiếng anh phu đò của tôi: "Sông Đốc, Sông Đốc vàm chạy liền"...

Hôm mới về tôi thấy một cô gái duyên dáng ngồi bán cơm trong quán, nhưng bây giờ lại là một bà già và một bé gái trạc tuổi mười ba, mười bốn chạy bàn. Thấy tôi bước vô em lẳng xăng, miệng tía lia:

'Chú chú, mời chú vô trong kia ngồi.'

Tôi theo em đi vô trong góc quán ngồi xuống cái ghế nơi có chiếc bàn trống.

'Chú ăn gì?'

Chưa đợi tôi mở miệng thì cô bé đã kể vanh vách:

'Ở đây có cơm sườn, thịt nướng và cháo lòng; nước uống có cà phê đá, nước đá me, nước chanh...'

Cô gái còn muốn kể thêm nhưng tôi chặn:

'Ở đây có rượu hông?'

‘Dạ, dạ có, chú uống rượu để hả chú?’

‘Ừ cho chú một xị và một đĩa sườn nướng.’

‘Dạ, chú ăn cơm hông chú?’

‘Hông cưng.’

Cô bé đi vô trong tay gấp thịt bỏ lên lò nướng. Sẵn than đương đỏ, mỡ sườn nhiều xuống, lửa phụt xèo xèo, mùi gia vị bốc lên thơm lừng.

Tiếng la ó như ong vỡ tổ bên ngoài làm tôi giật mình ngó ra. Một chiếc tàu đò vừa cập bến. Người lên kẻ xuống lao xao, mấy anh khuân vác chuyề nhau những bao bố nặng trĩu. Tôi đoán chừng, đó là những bao cá khô đồng được chở ra từ miệt U Minh.

Cô bé khệ nệ bưng mâm rượu và thức ăn ra để trên bàn, sắp ngay ngắn, rồi nói:

‘Mời chú.’

Tôi cảm ơn rồi rót rượu ra nhâm nhi và nhắm nháp thức ăn. Những người bán buôn theo bến xe, bến đò lúc nào cũng hấp tấp, vội vàng. Những phần ăn dành cho khách đường xa thì thiếu vệ sinh. Rượu pha nước nhiều quá nên lạt nhách lạt nhẽo, sườn nướng bùng xì bùng xịt, nước mắm chế biến làm sao mà hương vị như nước muối pha dấm đường. Vậy mà những người ngồi bên kia bàn hì hục vừa ăn vừa húp trông ngon đáo để. Mấy em nhỏ bận áo quần như tấm lưới rách, đi tới đi lui chờ thực khách ăn xong, chúng bưng thức ăn thừa đổ vô chiếc thau nhôm móp méo, đóng ten, có đũa cúi xuống húp cạn tô nước lèo. Tôi rót rượu uống liền liền, nhưng rượu lạt quá chưa đủ độ ngăn chặn nỗi buồn dâng lên cùng khắp.

‘Anh ơi anh! Xuống đò, tới giờ chạy rồi!’

Tôi ngó ra, thấy anh phu đò hồi nãy giờ tay ngoắc ngoắc, miệng hồi lia hồi lịa. Tôi hớp vội hớp rượu cuối cùng, xếp lại đồ đạc, kêu cô gái tính tiền và thưởng cho cô phần tiền dư. Tôi nhìn xuống đồng hồ tay, hơn ba giờ rưỡi. Tính ra từ lúc anh phu đò mời tôi đến khi đò ‘chạy liền’ mất gần hai tiếng đồng hồ.

Tôi là người xuống cuối cùng, nên khi chen ngồi ngay ngắn xuống khoang, thì đò đã de ra khỏi bến. Máy xe hơi được tân trang gắn đuôi tôm, đặt xuống chiếc vỏ lãi chạy xé nước ào ào, đúng là đò tốc hành thứ thiệt. Tôi thích thú ngồi ngó lên dãy nhà hai bên bờ sông giật lùi. Chẳng bao lâu đò đã ra khỏi ngã ba Tắc Thủ và rẽ ra sông Ông Đốc.

Đây dòng sông rộng, hai bên ruộng lúa, chen lẫn vài tán rừng, xa xa vài vườn dừa cao đọt in dưới nền trời xanh xanh và mây trắng gợn. Sóng chập chờn tạt nước vô khoang. Chủ đò liền buông rèm xuống. Ngắm cảnh không được nữa, tôi mới dạy người lái dựa vô be đò. Hành khách trong khoang không đông lắm, nên ngồi rất thoải mái. Những người dân quê lên tỉnh trở về trông người nào cũng mệt lả, có vài người lim dim ngủ gà ngủ vịt, một bà mẹ ngồi vạch vú cho con bú rất tự nhiên. Ngồi cạnh bên tôi có hai cô gái trạc mười sáu mười bảy tuổi. Cô bạn áo màu xanh lá cây, cổ tròn, quần đen đơc chằm chằm: "Đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng không duyên, đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng không thành...". Cô bạn bộ đồ bông ngồi cầm cúi ghi ghi chép chép bài hát xuống quyển sổ học trò kê trên bắp đùi. Nhìn hai cô gái hồn nhiên với bài hát của tuổi yêu đương, tôi cũng vui lây.

Đợi cô bạn áo xanh đọc hết câu, tôi hỏi:

‘Cô tên gì dậy?’

Cô bé lễ phép trả lời:

‘Dạ con tên Yến chú.’

‘Còn cô kia?’

Nghe tôi hỏi cô bạn bộ đồ bông đương đọc rả lại bài hát ngưng ngang, ngược lên trả lời:

‘Dạ, con tên Hằng.’

‘Hai cô ở Sông Đốc vằm hả?’

Yến đáp:

‘Dạ hồng phải chú, tụi con quê ở Long An, xuống thăm bà chị ở Sông Đốc.’

Bất được chuyện tôi bèn hỏi tiếp:

‘Chị cô mần gì ở dưới?’

‘Dạ, bán quán cà phê.’

‘Quán nằm khu nào?’

‘Dạ, tụi con mới xuống đây lần đầu nên cũng hông biết nữa, nhưng bà chị có dặn khi tới Sông Đốc vằm hỏi quán Hoa Biển thì nhiều người biết.’

‘Hoa Biển... tên nghe hay quá hén.’

Hằng chen vô, hỏi:

‘Mà chú biết hôn chú?’

‘Rất tiếc, chú đi mần ăn xa, lâu lắm rồi chú mới dìa nên chú hông biết.’

Chuyện vãn trời trăng mây nước một hồi, đò đã tới bến huyện. Chúng tôi mua bánh mì thịt, nước đá chanh chia nhau ăn uống. Nhờ trên đò có bạn đồng hành, tôi cảm thấy đường sông rút ngắn lại. Chẳng bao lâu đò đã đến Sông Đốc vằm, tôi từ giã sông hai đũa, bước lên bến và không nghĩ sẽ gặp lại dầu bất cứ ở nơi nào.

Xong chuyện mờ mả, tính ra tôi còn lưu lại Sông Đốc được hơn hai tuần lễ. Trong thời gian này tôi có thể thăm bạn bè và viếng cảnh quê hương. Nhưng sau những ngày tang chế, đi tới đi lui mệt mỏi, trước tiên tôi cần nghỉ ngơi cho khoẻ cái đã. Chiều hôm đó tắm rửa, cơm nước xong tôi lên giường đánh một giấc thẳng cẳng...

Đương mê man trong giấc ngủ chợt nghe như có tiếng sấm sét nổ vang. Phản ứng tự nhiên, tôi ngồi bật dậy bước nhanh xuống giường. Cùng lúc tôi nhận ra, cái quán cà phê cạnh bên nhà mở máy hát gì mà nghe như tiếng pháo kích. Dòm đồng hồ tay mới có năm giờ sáng, có lẽ người trong nhà đã quen với cảnh này nên còn ngon giấc. Tôi nằm xuống định ngủ lại, nhưng máy cứ hát hết liên khúc này tới liên khúc khác, làm tôi không sao chợp mắt.

Trời vừa sáng, thằng Hiếu với thằng Chiến vô nhà rủ tôi ra phố uống cà phê. Uống chưa hết tách cà phê thì thằng Hân tới, như đã hẹn trước, tụi nó đứng dậy trả tiền cà phê, rồi kéo tôi xuống bến sông kêu đò đi qua vằm xẻo Quau.

Tôi thắc mắc, hỏi:

‘Mời tăng sáng mà tụi mày qua xẻo mần gì? Bộ muốn bắt ba khía hả?’

Thằng Hân giọng có vẻ hãnh diện, nói:

‘Xẻo Quau bây giờ hông có rừng rú như hồi trước nữa đâu nghe mậy.’

‘Có gì ở bên?’

‘Thì qua bên đi rồi sẽ biết.’

Xẻo Quau ngày trước là một thẻo đất với rừng cây dà, cây đá, cây mắm, cây dẹt, mọc tạp nhạp và có một vườn cò trong khu rừng chà là. Hai bên rạch xẻo ô rô, cóc kèn, dây choại đan chằng chịt với nhau. Nhờ rừng rú âm u rất thuận tiện cho cá tôm sanh sôi nẩy nở, nâng đỡ rất nhiều dân nghèo còn churen ươt, churen ráo tới đây lập nghiệp. Gia đình tôi cũng có một thời gian sống nhờ tài nguyên của con xẻo này.

Bây giờ thì khác hơn xưa nhiều lắm, nhà cửa mọc lên như nấm. Dọc theo bờ sông nhà sàn dựng lên lổm chổm. Đò cặp vô một căn nhà sàn rộng, lúc chưa bước lên tôi ngỡ đây là một vựa cá tôm khô gì đó. Nhưng sao không nghe mùi khăn khăn quen thuộc? Sự thắc mắc này chưa được hỏi, thì sự ngạc nhiên kia liền tràn tới. Vừa bước lên bến cầu, một chị phấn son lòe loẹt từ trong buồng đi ra vòn vã chào mời:

‘Lâu rồi mới thấy mấy anh qua chơi.’

Đoạn chị ta day qua tôi, nói:

‘Mấy anh này thì quen quá rồi, còn anh tui ngờ ngờ đã gặp ở đâu rồi.’

Cái kiểu nói dóc một cách ‘lich sự’ trơn tru như vậy tôi không mấy gì ngạc nhiên. Tôi gượng cười và nói:

‘Ờ, gặp nhau hồi mưòi mấy năm trước ở đâu đó.’

Chị ta cười một cái:

‘Mấy anh chờ chút.’

Có lẽ mấy thằng bạn của tôi đã quen sinh hoạt với quán. Tụi nó tự động rinh bàn ghế trong góc nhà sắp ra một khoảng trống. Cạnh bên có một căn buồng che bốn phía bằng những tấm màn bông, tôi đoán chừng

có một nhóm người đương ăn nhậu ở trong vì có tiếng cười nói ào ào. Như thể xác định sự thối nát của tôi, một người đàn ông đứng tuổi, bận quân phục, vai mang quân hàm đồ tươi, từ trong vệt màn đi ra. Mặt ông ta đanh cứng, đỏ ngầu, không ngó ai, ông đi thẳng ra sân cầu, đứng vạch quần đái lồn tởn xuống sông.

Sau khi sắp xong bàn ghế, các bạn kêu tôi cùng ngồi. Cái chị hồi nãy, tôi đoán là chủ quán, từ trong đi ra, chị ta kéo rẹt rẹt bốn tấm màn bông treo bốn bên lại. Trong nháy mắt chúng tôi ngồi trọn lồn trong căn buồng dã chiến. Tôi hơi sững sốt, không ngờ ở nơi mà lòng tôi luôn nghĩ là khi họ cò gáy lại có chuyện lạ như vậy. Liền đó Yến cùng với ba cô gái khác ăn bận hở hang, lòn lẹt, mặt trét phấn, môi thoa son như sắp sửa ra tuồng, mỗi cô cầm một chai bia khui sẵn và một cái ly. Cái chị hồi nãy bưng ra một đĩa đậu phộng để lên bàn, rồi phân chia mỗi cô ngồi cạnh một chàng. Tôi từ xa mới về được các bạn nhưng cho cô trẻ nhứt là Yến. Chị chủ coi như xong nhiệm vụ, chị ta lịch sự rút lui ra ngoài, nhưng không quên chúc chúng tôi ăn chơi vui vẻ.

Mọi chuyện diễn biến quá nhanh làm tôi cứng mình không kịp phản ứng gì hết. Bạn bè đặt đâu tôi ngồi đó, rử uống tôi uống, mời ăn tôi ăn. Thăng Chiến nhướng mắt ra hiệu biểu tôi 'làm gì' với Yến đi... Đòi tôi phiêu bạt đã nhiều và nhớ quê nhà lung lăm. Nhưng hôm nay tôi trở về đây đâu phải vì nhớ nhưng ba cái chuyện tầm bậy tầm bạ này. Cho nên tâm trí tôi lúc nào cũng quay về người xưa cảnh cũ. Giả dụ bây giờ là một đêm đầy trăng, dưới dòng sông ngập ánh lung linh, hiện tại đều biến mất, còn lại một chồi lá xác xơ, mơ màng bên khu rừng tạp nham. Tôi sẵn sàng đóng vai chú Bẫy Chài, bác Tư Cua hay ông Ba Đặt Lộp... rồi tôi sẽ kể cho con Yến nghe những câu chuyện về người dân trước đây với hai bàn tay trắng, nhờ sự tương ái với nhau mỗi khi tắt lửa tối đèn, họ khai hoang rừng rậm lập nên làng xã. Cũng từ đó, mới có tiếng hát hò của gái, trai miền sông nước cất lên giữa đêm khuya thanh vắng...

Có lẽ thấy tôi không bộp chộp nên Yến mới rụt rè, bưng ly lên, nói:
'Mời chú.'

Bất chợt thằng Chiến nổi quạu móc tiền chia qua cho Yến rồi quát:

'Nè, cầm lấy rồi đi ra ngoài!'

Tôi ngạc nhiên day qua hỏi:

'Cái gì vậy mậy?'

Nó trả lời với vẻ bất bình:

'Bộ mày hồng thấy nó kêu mày bằng chú hả?'

Tôi nói:

'Tuồng chuyện gì, chớ tao thấy Yến cũng cỡ tuổi cháu tao ở nhà.'

'Nhưng mà chỗ này thì khác, mày ở ngoài mới dia hồng biết chớ chơi với mấy đứa này mà thiệt thà quá nó lòn mặt.'

Tôi cười. Bạn bè rử mình đi chơi vậy mà uống chưa hết ly bia đã muốn gây lộn với người ta rồi. Tôi định nói ý mình cho nó nghe, nhưng thấy không tiện nên mới xoa dịu:

'Thôi, tao biết rồi cho tao xin, đương vui vẻ mà.'

Đoạn tôi day qua Yến, nói:

'Cháu cứ tự nhiên, thằng bạn chú nó hơi cà chớn.'

Nói xong tôi mới bưng ly lên mời bà con vô một cái. Có như vậy thằng Chiến mới im cái miệng và nhét tiền vô túi. Thăng Hiếu không biết nghĩ gì cứ nhìn tôi cười cười, lâu lâu hớp một ngụm bia, nuốt ực rồi day qua con nhỏ ngồi bên hun cái chụt. Còn thằng Hân vô mấy chai sần sần, nổi hứng ôm con nhỏ kể bên, vừa hun vừa bóp vú như thể chết thềm đâu từ đời kiếp nào vậy.

Tôi kiếm chuyện dả là với Yến để cho mấy thằng bạn dân chơi 'miệt biển' của tôi khỏi bận tâm rầy rà. Tôi hỏi:

'Yến bao nhiêu tuổi?'

'Đạ, mười bảy.'

'Mười bảy bẻ gãy sừng trâu.'

Yến cười duyên rồi ngã đầu lên vai tôi. Nhìn con nhỏ mà lòng tôi đầy áp nỗi buồn. Mấy đứa cháu tôi ở nhà cũng cùng trang lứa, tuy không giàu có nhưng chúng nó may mắn đủ cơm ăn áo mặc, có cha mẹ lo lắng đàng hoàng. Còn Yến cha mẹ ra sao mà mới tuổi này đã lao vào cuộc sống trụ lạc như vậy. Tôi muốn hỏi về gia cảnh của Yến nhưng ngại. Bạn bè bày tiệc đãi tôi với mục đích giới thiệu cảnh quê hương đổi mới.

Nhưng tôi cứ lo hỏi chuyện đâu đâu, chỉ tổ gây khó chịu bạn bè. Thấy tôi cứ mãi trầm ngâm nên Yến mới gọi chuyện:

'Bộ chú là Việt kiều hả chú?'

'Ừa.'

'Dậy mà hỏi gặp chú con hông biết.'

'Dậy hả. À, còn cô gì đi chung với Yến đâu rồi?'

'Con Hằng hả, nó đang ngồi hát bên kia kia.'

Tôi lắng tai nghe phía buồng bên kia, có tiếng đũa gõ vô chén đĩa lóc cóc leng keng nhịp theo tiếng hát, điệu dân ca: "Trèo lên... lên trèo lên.. lên em cời cời nút quần..." Tiếng hát dứt ngang, tiếp theo tiếng ai ái của người con gái và tiếng cười rộ của mấy gã đàn ông...'

Âm thanh bên kia buồng như gọi hứng cho mấy thằng bạn của tôi. Bây giờ tụi nó không còn ra vẻ sành sỏi để lưu ý tôi nữa, mạnh dứa nào dứa nấy vạch vú của mấy con nhỏ vừa bóp vừa hun. Bên trong kia có một cái buồng kín, cứ một lát lại nghe dội nước rào rào. Chưa đầy mười một giờ sáng nắng đã tỏa vàng trên mặt sông và gió chướng hiu hiu thổi, vậy mà không khí trong phòng ngột ngạt làm sao. Tôi đứng dậy, móc túi gior cho Yến tờ giấy bạc, Yến cầm lấy nói lời cảm ơn trong cổ họng. Mấy bạn tôi giựt mình, buông mấy cái 'vú' ra và hỏi tôi tại sao chưa 'chơi' gì hết mà định bỏ đi đâu. Tôi viện cớ, cần về nhà bàn với anh tôi chút chuyện. Hiếu đề nghị Chiến và Hân ở lại tiếp tục chơi, rồi câu vai tôi ra bến gò đò.

Khi đò vừa de ra khỏi bến, tôi ngó lên thấy trên vách có tấm bảng nền xanh đề chữ màu đỏ: 'Cà Phê Hoa Biển'. Tôi đã sống lăn lộn đó đây, dễ dàng thích nghi với hoàn cảnh bất cứ ở nơi nào, vậy mà về lại quê hương tôi phải cố gắng hòa hợp với mọi người như đến một xứ lạ. Tôi bị lạc loài ngay trên chính quê quán ngõ còn mộc mạc của mình. Đò ra giữa dòng, mà tôi vẫn còn như mộng. Chợt Hiếu hỏi tôi:

'Mày còn nhớ Lệ Hương hông?'

'Nhớ chứ.'

Một kỷ niệm đẹp thoáng hiện về trong trí, tôi liền tưởng ngay đến một cô hàng quán, duyên dáng, khuôn mặt tròn trịa, mắt đen lay láy, chun mày rậm, môi không thoa son nhưng lúc nào cũng đỏ mọng. Tóc Lệ Hương đen mượt và dài tới hông, nàng thường bận áo cổ rộng, đeo dây chuyền vàng mặt cẩm thạch kiểu trái tim ôm vừa cần cổ trắng nõn trắng nà. Tôi và Hiếu có thể đến nhậu bất cứ lúc nào và ký sổ bao nhiêu cũng được. Hai đứa đều mê Lệ Hương, cuối cùng nàng chọn thằng Hiếu vì nó đẹp trai hơn tôi rất nhiều.

Tôi hỏi:

'Lệ Hương dạo này ra sao?'

Hiếu trả lời một cách bình thản:

'Cô ta bây giờ làm 'chị đi' ở ngoài đê, mày muốn hông? Tao dẫn mày đi!'

Như bị tát thêm ly nước lạnh vô mặt, tôi nói một câu không cần phải dè dặt nữa:

'Đủ rồi, chắc tao hông còn gì để thăm và cũng chẳng còn gì để lưu luyến...'

'Mày nói sao?'

'...'

Những gương mặt hiền lành, những tên gọi chất phác tôi giữ ở trong lòng trong những năm lưu lạc giờ đây đã tan biến. Làm sao những địa danh rạch Ruộng, rạch Bàn, xẻo Quau... lại có thể ăn nhập với những từ Hoa Biển, Chiều Tím, quán Trầm, quán Gió, khiêu gọi hơn nữa có quán Sáu Cô? Chợt nhiên tôi thấy lòng mình trống trải, không là nổi trống trải của dòng sông dài và rộng trước mặt, mà là sự trống vắng của biển đêm đen đặc, mênh mông.

Chiếc vỏ lãi cứ lướt nước ào ào. Sông Đốc vòm từ từ biến khuất vào con doi thứ nhứt. Quê hương tôi chỉ còn ló nhỏ những ngọn ăng-ten. Tôi day lại, thấy Yến và Hằng vẫn ngồi co ro gục mặt lên đầu gối. Gã thanh niên vẫn tiếp tục chọc ghẹo bằng những lời xàm sỡ... Trong những hành khách ngồi chung quanh, có người thản nhiên, có kẻ khinh khỉnh cười. Tôi muốn nói vài câu chặn lời gã để Yến và Hằng còn có thể ngước mặt lên nói chuyện bình thường như mọi người. Nhưng quai hàm tê cứng, tôi ngồi đó âm ức như một người câm.

Trên một dòng sông

Hải đứng lặng nhìn ra giữa dòng sông. Nước lờ lững chảy, vài chiếc đò dọc thiếu khách chạy tà tà và trên bến sông thì vắng bóng người. Gió chướng hiu hiu không hãm được cơn nắng át của tháng ba. Hải nhớ hồi tháng ba năm ấy. Trên chiếc xuồng tam bản mũi trần, mũi cột vô hàng đáy giữa dòng sông trong đêm trời đầy sao và con nước rờn chảy xiết. Cũng tại khúc sông này, anh với Lệ ôm nhau khóc, nước mắt tuông theo con nước róc rách dưới dạ xuồng. Lệ ghen ngào hứa chờ ngày anh trở về bến đáy. “Anh sẽ dìu với em.” Đó là lời hẹn với Lệ trước ngày anh vượt biển.

Thoát một cái đã mười bốn năm dư và anh đã trở về. Những hàng đáy giữa dòng sông vẫn còn trơ trơ, đầu cột đáy có một con nhàn đứng ủ rũ như đợi chờ một tấm cá, nhưng chủ nhân của hàng đáy bây giờ là ai? Anh hỏi thăm không ai biết bến đáy nào của Lệ. Thiên nhiên đã thu hẹp, rừng cây cối lưa thưa, đứng trên bờ chẳng nhìn ra đâu là bến, chỉ thấy một dãy nhà sàn san sát dọc bờ sông. Hải phải hỏi thăm nhiều lần mới tìm được nhà anh Tài, anh của Lệ, bây giờ đã dời ra vàm sông Ông Đốc. Anh Tài đã đổi qua nghề câu mực, nhưng vẫn còn giữ nghề đóng đáy trên sông.

Trước kia nhằm mùa nước sủ mỗi khi xuồng đáy về, tôm cá đựng bằng cần xé, người ngồi lựa cá, người nấu nước luộc tôm. Ban đêm ánh đèn măng xông soi sáng một vùng, ban ngày tôm phơi ngập sân đồ ối. Anh Tài nói:

- Bây giờ khổ lắm mày ơi, cá tôm mò đồ con mắt mới được vài con.

Thiệt vậy, đêm hôm đồ đục về, chị Liên, vợ anh Tài bưng rổ cá tôm lộn xộn lên xóc xóc, lựa ra đếm được hơn chục con cá bóng và cân được vài kí lô tôm. Thường ngày vợ chồng sai con bưng cá bưng tôm ra chợ bán, nhưng hôm nay có Hải, anh dành lại ăn.

Hải với anh Tài ngồi nhậu bia ăn tôm luộc. Anh Tài vẫn tắt câu chuyện. Sau khi Hải đi, Thành Đất hỏi cưới Lệ rồi hai vợ chồng dắt nhau xuống Cái Đồi làm nghề đáy hàng khơi. Hải lặng thinh và trong lòng menh mang niềm nhớ... Hồi sau anh Tài hỏi Hải:

- Mày có muốn tao nhấc cô ấy về chơi hông?

Hải hớp một hớp bia, bóc con tôm lột vỏ bỏ vô miệng, nhìn ra giữa dòng sông.

- Về còn gặp lại anh cho tá túc là may lắm rồi, làm phiền cô ấy nữa không nên.

- Nhưng mà... mày... mày còn ở đây được bao lâu?

- Khi nào sơn, sửa xong mả của ba má tui thì tui đi.

- Mày còn về đây nữa hông?

- Tui cũng hông biết nữa.

- Nhưng mà...

Hình như anh Tài muốn nói thêm điều gì nhưng ngại không nói, anh ngạp ngừng rồi bưng ly lên cụng.

- Uống đi mày.

- Đêm nay anh cho tui theo đóng đáy với.

- Đêm nay con Dung đóng đáy, mày muốn thì đi theo nó.

- Ủa cũng được.

Dung là đứa con gái đầu lòng của Tài, con nhỏ hồi anh đi nó đâu hơn mười tuổi gì đó, bây giờ đã thành thiếu nữ. Trong lúc cột xuồng chờ con nước rờn anh hỏi Dung:

- Cháu có bồ chưa?

Dung trả lời tỉnh bơ:

- Cháu đen thui thúi lùì như vậy ai mà thèm chú.

Hải day lại nhìn Dung, trong ánh đèn bão đủ sáng cho anh ngắm nghía thân thể đầy đặn, khoẻ mạnh, cặp ngực vun tròn nhô ra như muốn bút tung hàng nút áo bà ba, nước da bóng màu xô-cô-la nguyên chất, mặt tròn không một vết mụn, trên môi lúc nào cũng tươi cười, cái nhan sắc ấy chỉ có ở những cô gái miền sông nước Amazon. Ngặt ở đây, cái xứ tận cùng đất nước Việt Nam, trong thì đồng, rẫy, ngoài thì biển xanh. Người ta chỉ chuộng những cô gái nước da trắng trẻo, ốm yếu chớ không biết chiêm ngưỡng một thân thể mận mà, đầy đặn và tràn đầy sức sống.

- Mấy thằng con trai miệt này đui hết rồi mới hồng thấy cháu đẹp.
- Nghe Hải khen cô nhỏ cúi đầu mỉm cười, ngẫm nghĩ một lát Dung ngược lên:
- Ở trong xóm mấy anh con trai kêu con là Dung đen.
- Mai một thằng nào kêu con như vậy, thì con cứ nói lại, các anh có mù mắt hông, tui màu xô cô la chớ hồng phải màu đen, đồ ngoại chánh hiệu đó.
- Ai nói dzậy, kì thấy mô à.

Nước bắt đầu chảy, hai chú cháu cài đậy. Chui đậy xong, buộc xuống vô cột đậy ở giữa dòng. Trong khi chờ đồ đạc, mở cát sét lên nghe nhạc. Cô lấy bánh dứa ra lột vỏ đưa cho Hải, hai người vừa ăn vừa nói chuyện. Dung hỏi:

- Hồi đó chú với cô Tư sắp cưới nhau rồi chú đi phải hông?
- Thấp thoáng dưới ánh sao trời, Hải trông gương mặt Dung giống giống Lệ. Hải nhớ cái đêm sắp xếp cho chuyến đi, cũng giữa dòng sông này, Lệ đã tặng cho anh của quý nhứt đời người con gái, khóc nức nở, hứa đợi chờ, vậy mà anh ra đi chưa đầy một năm thì cô ấy đã lấy chồng.
- Con biết rồi sao còn hỏi chú.
- Con muốn biết chú còn thương cô Tư con hông?
- Ngồi đây chú lại nhớ hồi chia tay với cô con.
- Cô con nhớ chú lắm, trước đây thấy Việt kiều dia, cô cứ ngong ngóng, hỏi tại sao không thấy chú dia, bây giờ chú dia sao hồng đi thăm cô.
- Cô con đã có gia đình rồi, chộn rộn làm gì.
- Còn thằng Đợi chú hồng muốn gặp nó sao?
- Thằng Đợi nào?
- Ủa! Con của chú bộ chú hồng biết hả?
- Con chú!

Hải điếng hồn không nói thêm được lời nào. Nhìn lên bầu trời sao dày đặc, cúi xuống nước ròng đương chảy xiết, anh vói tay khoát nước rửa mặt, lắc lắc cái đầu cho tỉnh. Nhớ lại những ngày sắp chia tay, ban ngày anh với Lệ ôm ấp với nhau trên chòi, tối xuống xuống đóng đậy giữa dòng sông, làm chuyện xui xẻo trên xuống, bắt chấp phong tục cấm kỵ... Anh day qua nói với Dung:

- Chuyện trước kia chú với cô Tư cháu thương nhau chú biết, còn những chuyện xảy ra sau này chú hồng biết gì hết cháu à.
- Ba con sợ chú biết nhưng chú hồng muốn nhìn, ổng dặn cả nhà nếu chú hồng hỏi thì không ai được nói.
- Hồi chú đi ra tới ngoài, chú có gởi thư dia cho cô Tư con cả mấy chục lá, nhưng thư đi mà hồng thấy thư dia, chú buồn hết sức vậy đó, chú tưởng ở nhà thất tán đầu đó. Sau này chú nghe bà chị của chú ở Úc nói cô Tư con đã có chồng rồi nên chú hồng viết thư nữa, thời gian đó chú như người khùng. Chú chỉ biết tới đó, sau này chuyện xảy ra cho cô con chú có biết gì đâu. Đầu đuôi ra sao con kể hết cho chú nghe đi.
- Hồi chú đi cô Tư bình liên miên, ói mửa, cô nằm vùi, mấy tuần sau cô mới biết mình mang bầu. Lúc đó cô như điên như dại, khóc hoài có khi ngồi một mình nói lảm nhảm như mắc nang dưới. Ba con sợ chuyện xấu đổ ra ngoài nên sẵn dựng Thành, à chú còn nhớ dựng Thành lúc đó phụ mần đậy với ba con hông?
- Nhớ chớ, thằng Thành Đất chớ ai.
- Đúng rồi, lúc đó dượng cũng thương cô, ba con mới khuyên cô ưng dượng, cuối cùng cô Tư con đâu cách nào khác cổ đành nhắm mắt đưa tay, nhưng cổ nói thẳng cho dựng Thành biết cổ đã mang bầu với chú, chịu thì cưới không chịu thì thôi. Lúc đó dựng mê cô như điều đồ cái gì cũng chịu, dượng còn nói chú với dượng là anh em kết nghĩa, con của chú cũng như con của dượng.
- Bây giờ hai người ra sao?
- Mần ăn cũng khá, cô còn sanh thêm cho dựng Thành hai đứa nữa vậy mà dượng vẫn thương thằng Đợi như con ruột của mình.
- Thiệt vậy ngày xưa Hải và Thành là anh em kết nghĩa, tánh tình nó rất thật thà, từ ngày kết nghĩa anh em với nó cho tới ngày Hải bỏ đi, anh chưa bao giờ nghe thấy nó giận ai và chưa hề gây gổ với bất cứ người nào, nhà nghèo chăm chỉ làm ăn và hiền như cục đất, vì vậy nó mới có tên Thành Đất.
- Bây giờ chú tính làm sao?
- Theo con chú phải làm sao đây?
- Chú gặp cô Tư con đi.

- Gia đình cô ấy đương cơm lành canh ngọt con à.
 - Con nghĩ đương Thành cũng không tệ lắm đâu.
- Hải chưa biết tính sao thì Dung đề nghị:
- Hồng ấy chú để con nhắn qua cô, nói chú đã về coi cổ tính sao.
 - Ừ con tính sao thì tính miễn đừng làm xào xáo gia đình cô ấy là được.

Những ngày sau đó Hải để hết tâm trí cùng với anh em thằng Bình và An sửa sang, sơn phết lại hai ngôi nhà của ba má anh, chuyện của Lệ anh phó mặc cho Dung và gia đình. Tuy vậy lòng anh cũng nôn nóng như lửa đốt, hồng biết sắp tới đây chuyện lành hay chuyện dữ? Đến ngày thứ ba thì hai ngôi mộ của ba má sửa sang lại coi như đã xong. Anh và hai đứa thợ đương đứng ngắm nghía hai nấm mồ nước sơn còn ướt. Chợt Dung đi ra mặt hớn hờ hỏi:

- Xong chưa chú?
- Xong hết rồi, con coi coi có được hồng?
- Đẹp lắm chú.

Thấy cô nhỏ hấp tấp trả lời anh bèn hỏi:

- Có chuyện gì mà trông con hớt hải vậy?
- Cô Tư mới vừa đi.

Tuy biết trước chuyện sẽ đến nhưng trong lòng anh lo lắng bất an. Nhìn hai đứa nhỏ lom khom dọn dẹp đồ đạc định đi về, anh mượn cớ trì hoãn bằng cách mời hai đứa thợ đi ra tiệm ăn cơm. Day qua Dung Hải hỏi:

- Con đi ăn với chú hồng?
- Chú hồng về liền được sao?
- Nhưng cho thợ thầy người ta ăn cơm cái đã.

Dung miễn cưỡng gật đầu:

- Vậy cũng được, nhưng mau mau nghe chú, cả nhà đương chờ chú đó.

Dung quàng quả bước đi, Hải day qua hỏi:

- Hai đứa bây thấy con Dung ra sao?

Bình ngược lên nói:

- Con nhỏ đen như cột nhà cháy.

An cãi:

- Nâu chớ đen đâu mà đen, ông nói cho cố.

Hải vỗ vai An:

- Mà chấm nó chỗ nào.
- Ngực, mông hết xẩy chú.
- Chỉ có hai chỗ đó thôi hả?

Nghe anh hỏi ngật thẳng nhỏ đứng gãi đầu. Thấy thằng nhỏ bí lồi, anh câu vai nó nói:

- Nhưng mà chịu cặp ngực và cặp mông của nó hồng? Tao làm mai cho.
- Con nghèo quá chú.

- Bộ nghèo rồi hồng có vợ sao? Nhưng thôi, đẹp cặp ngực và cặp mông qua một bên, mình đi ăn cái đã.

Hải kêu chủ quán dọn một bữa cơm thiệt ngon và bia lon ướp lạnh cho hai anh em Bình, An ăn, còn anh thì uống bia khan. Đầu óc cứ nghĩ đến chuyện gặp gỡ lát nữa đây, người ta nói chia ly là khổ, còn xum vầy là vui. Còn anh thì đương khổ sở cho cuộc xum vầy. Thằng Bình thấy anh cứ trầm ngâm và ngược cổ nốc bia, nó nhắc chừng:

- Theo con bữa nay chú uống ít thôi.

Hải nốc một ngụm bia, nhìn qua hỏi:

- Mà biết chuyện gì hồng?
- Chuyện của chú nổi như cồn, cả xóm mình ai hồng biết.
- Nổi như cồn à, sao tao hồng biết gì ráo.

An nói vô:

- Thôi chú dì giải quyết chuyện gia đình đi, con nghĩ mọi chuyện trơn tru thôi, chú khỏi phải lo nghĩ nhiều quá.
- Hai đứa nghĩ dậy sao?
- Con nghĩ ai biết hoàn cảnh của chú đều nghĩ vậy hết.

- Bình, An chú phải tin dị đoan thôi, gặp hai đứa chắc chuyện gì thì cũng... bình an hết tội.

Ba người cùng cười và đưa ly lên cúng:

- Thôi chú dì đây, chừng nào xong chuyện chú làm mâm cơm cúng ông bà, chú sẽ mời hai đứa tới nhậu một bữa chết bỏ.

Khi Hải vừa bước tới cửa thì Thành từ trong nhà phóng ra ôm anh vừa mếu máo vừa nói:

- Anh dì, em mừng quá.

Nỗi lo âu của Hải được thay bằng niềm xúc động mênh mang, anh trấn tĩnh lại:

- Vô nhà cái đã, từ từ rồi anh em mình tâm sự sau.

Hải câu vai Thành đi vô nhà, thì Lệ cũng từ nhà dưới đi lên.

- Sao mà ai cũng khóc hết vậy nè?

Hải muốn trấn an mọi người nhưng chính ngực anh cũng đã nghẹn khi thấy một đứa con trai nép bên Tư Lệ giống anh như đúc. Anh tới ngồi xuống cạnh bên nó, vuốt tóc hỏi nhỏ:

- Con là Đợi phải không?

Nó gật đầu. Hải ôm nó vào lòng, nó mắc cỡ xô anh ra và lao nhanh xuống nhà dưới. Anh đứng lên hỏi Lệ:

- Đi đường xa em có mệt lắm hông?

Cô lắc lắc đầu mặc cho nước mắt tuông chảy lên hai gò má. Nghe tiếng ồn ào bên ngoài Hải ngó ra anh thấy trước cửa hàng xóm bu đầy nghẹt, anh lúng túng không nói được gì. Thành như hiểu ý anh nên bỏ đi xuống nhà dưới. Anh Tài từ dưới nhà dưới đi lên nói:

- Thôi mình ra nhà sau ngồi lai rai nói chuyện.

Day ra anh nói với đám người tò mò còn lấp ló phía trước:

- Hôm nay, gia đình tôi đoàn tụ và có chút chuyện riêng xin bà con thông cảm cho nhé.

Bà con từ từ giải tán. Mọi người kéo nhau đi xuống nhà dưới. Đồ ăn đồ nhậu đã được ba người đàn bà dọn đầy bộ ván. Thành kêu Lệ:

- Em với thằng Đợi qua ngồi với anh Ba, cho cha con quen nhau cái đã.

Nhờ Lệ ngồi cạnh bên nên thằng Đợi mới dám lên ngồi gần, hai đứa em nó thấy vậy cũng chen vô ngồi sau lưng má nó. Cả nhà ngồi quây quần trên bộ ván rộng. Anh Tài bưng rượu lên:

- Hôm nay mỗi người phải uống để mừng gia đình mình sum họp. Chú Ba tui mời chú trước.

Hải bưng ly nốc cạn dần cái cảm giác gờn gợn rùn người. Gia đình sum họp! Vui quá xá chớ! Kể từ khi hay tin ba má anh qua đời, anh chị em tứ tán, Hải chưa bao giờ nghĩ mình còn có một gia đình trên quê hương xứ sở. Nếu ngày xưa không có chuyện chia lìa thì giờ đây bên anh là vợ, con, kia là anh chị vợ và thằng em kết nghĩa. Bây giờ mọi chuyện đã đảo ngược đầu vô đó hết rồi. Hải vuốt tóc thằng Đợi, hỏi:

- Ai đặt tên cho con?

Nó bẽn lễn cúi đầu:

- Hồng biết.

Thành chen vào.

- Bà đặt đó chớ ai, Đợi có nghĩa là đợi anh dì đây đó.

Lệ mắc cỡ máng chồng:

- Cái thằng cha mắc dịch.

Té ra Hải cũng còn có những người chờ đợi anh nơi bến sông này, vậy mà từ lâu nay anh nào hay nào biết.

Anh Tài rót rượu vừa đưa từng người vừa nói:

- Bây giờ dùng món đặc sản của dưỡng Tư đem từ dưới Cái Đồi về cái đã.

Lệ đập vỏ càng cua, lấy thịt bỏ vô chén cho Hải. Hải bắt chuyện hỏi Thành:

- Bộ ở đây hông có cua, vọp sao mà phải đem từ bên qua?

- Ở đây làm gì còn anh, cua em nuôi, vọp phải đặt dưới miệt Năm Căn mới có.

- Hỏi đó mấy thứ này anh em mình xách bao xách mớ ra rừng một lát đem dì cả đống, nhậu hông hết chia cho bà con mặc sức mà ăn.

Anh Tài chen vô:

- Ôi người càng đông của càng hiếm con người tham lam càng nhiều, tranh dành với nhau từ rừng rú tới dòng sông, người này xâm phạm của người kia một chút thì chửi bới ồm tỏi lên, đôi khi chỉ vì con cua, con vọp mà quánh lộn với nhau dập đầu chảy máu.

Họ nói chuyện đời sống một lát, cũng trở lại chuyện riêng tư của Hải. Anh nói với Lệ:

- Hồng biết thì thôi, biết rồi thì tôi phải có bổn phận.

Anh hỏi việc học hành của thằng Đợi, Lệ cho anh biết nó học hết lớp năm rồi nghỉ.

Anh dạy qua hỏi thằng nhỏ:

- Con muốn đi học nữa hông?

Nó lắc đầu.

- Hồng, lớn rồi, đi học người ta chọc quê.

Hải thấy mình không nên xen vô chuyện gia đình của Lệ nhiều quá. Anh mới nói:

- Tùy chú Thành với Lệ tính sao cho nó cũng được, số tôi phong trần thì đành phải phong trần vậy, ở nhà có khó khăn gì thì cứ cho tui hay, khả năng của tui tới đâu tui phụ tới đó.

- Anh dìu nhìn nhận con để sau này nó khỏi tủi thân là được rồi. Tư Lệ vừa nói vừa lau nước mắt.

Thành chen vô:

- Ngày mai tui phải đi bả sớm, để bả với thằng Đợi ở lại chơi với anh vài ngày. Chừng nào anh đi thì tui qua tiễn anh.

Sáng hôm sau, trong lúc Thành sửa soạn trở về Cái Đồi vàm, trên chiếc ghe đóng đáy hàng khơi, cái máy Yanmar đầu xanh thời ông Thiệu chưa làm tổng thống đã đổi ra màu đen, Thành quay cà ì cà ạch hồi lâu mới nổ bành bành, khói đen phun ra mù mịt. Hải nói:

- Máy Yanmar đầu đen chớ đầu xanh khi mốc gi. Sao chú hồng thay máy khác?

Thành than:

- Chưa đủ tiền anh.

- Chừng bao nhiêu mới đủ?

- Nếu có hai cây nữa thì em đổi máy mới.

- Được rồi anh sẽ cho chú hai cây.

- Ý chết cha, em đâu có hỏi.

- Anh tự nguyện mà.

- Anh có lòng tốt giúp em, em cảm ơn nhiều lắm, nhưng thông thả đi cái đã.

Thành chỉ vô cái máy nói:

- Coi cà tàng vậy đó mà chưa bao giờ nằm đường hết anh.

- Thôi chú đi đi, chúc chú mày con nước này tôm cá đầy ghe.

Hải nhảy lên bờ tháo dây mũi liêng qua cho Thành. Hải vịn mũi nghe, chờ Thành khoanh dây lại rồi ra sau cầm lái, anh mới đẩy mũi ghe vạt ra lấy trớn để Thành vô số, rồ ga cho ghe chạy.

Khi cơn xúc động đã lắng xuống, mọi chuyện trở lại bình thường, Hải nghĩ, đối với Lệ và thằng Đợi anh thương lắm và tội nghiệp cho Thành Đất đã gánh gánh nặng cho anh, chắc hẳn anh phải có trách nhiệm với những người này. Anh định trước khi rời khỏi thị trấn ven biển anh đưa cho gia đình Thành Đất số tiền anh đã hứa, phần còn lại anh giao du một chuyến ra Bắc.

Nào ngờ hôm sau, trời mới hừng đông, Hải đương ngủ ngon, chợt Lệ vô buồng đánh thức anh dậy:

- Anh Ba, gia đình có chút chuyện muốn bàn với anh.

Hải ngồi dậy dụi dụi mí mắt cho tỉnh ngủ rồi đứng dậy đi theo Lệ. Ở nhà dưới đèn thấp sáng chưng, vợ chồng anh Tài ngồi trên bộ ván. Giữa bộ ván một mâm trà bánh còn nguyên, hai người như có ý chờ Hải. Lệ lấy khăn và bàn chải đưa cho anh. Hải ra sàn lảng sau nhà đánh răng rửa mặt. Xong. Anh trở vô ngồi cạnh bên Lệ. Nhìn ai cũng ra vẻ khẩn trương làm anh nhột nhạt. Lệ rót nước trà cho Hải, anh hớp một hớp nước, để xuống. Anh Tài hớp một hớp trà rồi cất tiếng phá tan bầu không khí yên lặng:

- Thiệt ra thì tui mời chú xuống đây là muốn nhờ chú một chuyện.

- Chuyện gì anh? Hải hỏi.

- Ý tui là muốn nhờ chú bảo lãnh con Dung ra ngoài, chú thấy có được hông?

Nghe hỏi bất ngờ làm Hải lúng túng hồi sau anh mới tìm ra câu nói:

- Dìa đây tui hồng có ý định gì hết, bỗng nhiên lòi ra thằng Đợi, bây giờ anh tính thêm chuyện này nữa.

Hải ngó qua Lệ:

- Theo em, em thấy sao?

Lệ không nhìn thẳng Hải mà cúi xuống ly trà, nói:

- Anh coi coi, giúp được cháu thì giúp.

- Hồng phải vậy đâu, tui thấy những cô gái ở niên quê ít học ra phố nếu không đi ở mướn thì cũng trở thành gái làm tiền. Ra nước ngoài cũng vậy thôi, nếu không có nơi nương tựa thì các cô cũng lang thang

trôi nổi trong cái thế giới xô bồ xô bộn của tây phương. Còn tui thì cuộc sống bấp bênh, rày đây mai đó, không bà con thân quyến, nơi xứ lạ quê người, đem cháu sang rồi bỏ cháu bơ vơ một mình đâu có được.

Anh Tài nâng nặc:

- Hồng lẽ chú cứ lông bông hoài sao?
- Chuyện đột ngột quá anh chị cho tui thời gian suy nghĩ cái đã.
- Ừ cũng được, quan trọng là chú mấy chịu nó hay không.

Chịu nó! Hải nghĩ bụng, ông anh định chơi cha chắc.

- Thôi được, chuyện này tui sẽ trả lời sau.

Câu chuyện tạm ngưng lúc trời sáng bừng. Dung với thằng Đợi đi đồ đạc vừa về tới. Hải kêu thằng Đợi thay đồ và rửa má con nó ra quán ăn sáng, tiện dịp anh bàn chút chuyện. Thằng Đợi xin tiền đi chơi chớ không theo. Hải để ý, từ ngày gặp con cho tới nay, không bao giờ thằng nhỏ theo anh, ngoại trừ những lúc cần tiền mới tới hỏi xin. Mới chừng đó tuổi mà đi hết bàn bi da này qua tới quán Karaoke nọ, có bữa anh thấy nó uống bia nữa.

Trong quán phở, ăn xong Hải hỏi Lệ:

- Hình như em nuông chiều thằng Đợi có hơi quá mức.
- Anh Thành đó, mỗi khi em rầy nó là ảnh bình.
- Con cưng là con hư, nhưng nói là nói vậy chớ anh làm sao có quyền chen vào chuyện gia đình em.

Lệ cầm muống quậy quậy ly trà đá, mắt nhìn nước trà đương sóng sánh trong ly, cô nói:

- Anh có trách em cũng hồng sao, ngặt vì thương anh nên ai cũng chiều thằng Đợi.
- Cám ơn em và chú Thành đã lo lắng cho nó.
- Anh khách sáo làm gì, anh Thành cũng thương anh, cho tới nay ảnh còn mặc cảm có lỗi với anh đó.
- Chú ấy đã săn sóc mẹ con em trong những ngày em khổ sở, hết kiếp này hồng biết anh có đền ơn nổi cho chú hồng đây.

Hải móc sổ địa chỉ ra đưa cho Lệ:

- Em ghi địa chỉ ở Cái Đồi cho tui.
- Bộ anh tính đi hả?
- Chưa, tui nán lợi chơi với em và thằng Đợi vài ngày.

Lệ đổi giọng:

- Còn chuyện con Dung anh tính sao?
- Theo em tui phải tính sao đây?
- Thì anh coi giúp được cho cháu thì giúp đi.
- Đơn giản như vậy sao?
- Em thấy nhiều Việt kiều dìa cưới vợ cũng đơn giản dặng thôi. Anh lớn tuổi rồi cần phải có gia đình chớ. Hơn nữa trong họ hàng ai cũng thương anh, muốn gả nó cho anh anh còn đi đi dìa dìa, chớ hồng thôi anh đi biệt xứ.

Biệt xứ! Hải nhìn ra ngoài, ánh nắng đã lên cao. Người đi chợ cũng thưa dần. Đây là quê hương xứ sở của anh, kia là người thân thân thuộc, chơn tình biết mấy.

- Thôi được, để thông thả rồi tính.

Bắt đầu từ hôm đó gia đình Tài coi Hải như người nhà. Ngày Dung lo miếng ăn, tối lo giữ chiếu giăng mùng, soi muối cho anh. Ban đêm Hải theo Dung đóng đậy. Từ ngày có Hải đi theo, cô nhỏ vui sướng vô cùng, Dung có cảm tưởng đi đóng đậy là cuộc phiêu lưu, thám hiểm hơn là chuyện mâm ăn, cho nên cô cứ nôn nao trong lòng mỗi khi con nước lớn vừa chửng lại. Khi nước bắt đầu ròng họ chui đậy xong đâu đó. Dung mở máy cát sét rồi cô đi lại ngồi cạnh Hải. Những năm luân lạc xứ người, không khi nào Hải mơ tới đàn bà Việt Nam. Các bà ngoài ấy cao xa quá, còn anh trước mắt họ bất quá chỉ là một tên vô gia cư. Mười mấy năm qua, anh không bao giờ dám ước mơ có một mái ấm gia đình. Hôm nay về đây tuy cảnh vật và người thương đã thay đổi nhưng anh không thấy mất mát điều gì. Trước một người con gái mơn mớn như hoa mùa xuân và dòng sông bon bon nước chảy, làm anh sống lại thời mới lớn. Tim anh đập, tay anh run run ôm cô gái trẻ, lòng thầm cám ơn bà cậu của miền sông nước... Anh ngất ngây theo tiếng hát du dương truyền cảm tỏa trên mặt sông: “ ... Anh ơi chim kia bay về tổ ấm, nước cũng xuôi về nguồn ...”

Vậy là thời gian Hải dành cho chuyến du ngoạn ra Bắc coi như đi đứt. Chuyện đám tiệc theo Tài thì không khỏi phải rườm rà, chỉ nấu một mâm cơm làm lễ ra mắt ông bà đủ rồi. Hải kêu Dung nghỉ đóng đậy đi với

anh ra thị xã mua sắm áo quần và bông đeo tai. Bữa tiệc thay cho đám cưới ngoài người trong gia đình ra, Hải chỉ mời anh em thằng Bình và thằng An tới. Hai đứa ngồi nhậu mà cứ nhìn anh cười cười như có ý chọc quê.

Sau bữa tiệc, Thành Đất chở vợ con về Cái Đồi vòm. Còn Hải lên thành phố đổi vé máy bay trở về Âu châu để lo thủ tục bảo lãnh.

Mọi chuyện xong xuôi trong vòng sáu tháng. Dung là vợ chánh thức của Hải từ khi cô nhỏ tới đất Âu châu này. Chờ Dung học xong khóa ngoại ngữ lấy xong bằng lái xe, hai người mới quyết định có con. Nhờ khoẻ mạnh Dung sanh rất dễ dàng, hai năm Dung sanh liên tiếp hai đứa con trai, thấy vợ cực khổ với hai đứa nhỏ Hải kêu ngưng nhưng Dung muốn có thêm đứa con gái, vậy là cô mang bầu sau đó đẻ thêm thằng con trai nữa. Anh biểu nghỉ nhưng Dung ham con gái quá, nặng nạch đòi mang bầu, nhờ trời thương đứa thứ tư cho ra con gái, có như vậy cô nhỏ mới chịu treo buồng trứng.

Từ ngày có Dung Hải xin việc làm dây chuyền trong một xưởng sửa xe. Dung may thuê vá mướn, dư ra đồng nào gửi về đồng nấy, một bên gia đình ba má Dung, một bên là cho vợ chồng Thành Đất. Bây giờ dân số trong gia đình anh tăng thì chi phí cũng tăng theo. Dung ôm bốn đứa con đâu có đi làm gì thêm. Còn lương tháng của anh trang trải nhà cửa, mua sữa và tã lót cho mấy nhỏ, ăn uống cũng phải dè sẻn mới đủ. Ấy vậy bên nhà hồng biết mần ăn ra sao mà tiền gửi về y như gió luông nhà trống. Thư cứ gửi qua hỏi tiền lúc đầu còn nói năng tử tế, dạo sau này hỏi thẳng kê những món cần xài ra hàng lô hàng lốc, những con số đọc lên thấy phát chóng mặt, tối thiểu một ngàn đô, khi thì cả chục cây vàng. Có lần ở nhà nói ba Dung bệnh gần chết, kêu gửi tiền về thang thuốc, làm Dung hoảng lên. Hải phải xin ngày nghỉ ở nhà giữ con cho Dung bay về bên. Nhưng Dung về vừa tới phi trường, cô tức muốn ói máu khi thấy ông già đứng đón tỉnh bơ trước cửa phi trường. Dung ở lại một tuần, dốc túi đưa hết số tiền đem theo lo cho ba bệnh, rồi bay trở về vừa khóc vừa kể cho Hải nghe.

Đó là gia đình ông Tài chớ thật ra thì với vợ chồng Thành Đất anh có cho thì gửi thư cảm ơn, không thì thôi chớ chưa bao giờ biên thư hỏi tiền. Mới đây Lệ có gửi thư qua nói, thằng Đợi xách dao rượt chém Thành Đất rồi bỏ nhà đi. Đọc thư xong Hải cảm thấy buồn buồn cũng như lần đầu nhận con mình, anh đã cảm thấy cái hạnh thằng nhỏ không được tốt rồi. Vì vậy chuyện nó đánh ba nuôi nó là do bản tánh mất dạy của nó chớ hồng phải lỗi tại Thành Đất. Anh thấy càng liên lạc bên nhà bao nhiêu càng thêm rắc rối bấy nhiêu, vì vậy anh giao hết tiền bạc cho Dung. Anh dặn:

Em làm sao thì làm miễn đừng để mấy đứa con thiếu thốn là được rồi.

Từ đó hễ ở nhà hỏi tiền thì ít nhiều gì Dung cũng gửi, gửi xong tối nằm thao thức, nén tiếng thở dài. Dung sanh ra chứng mất ngủ và kinh nguyệt cũng theo đó không đúng chu kỳ, thân thể vạm vỡ của Dung mỗi ngày một sa sút, da dòn, mặt mày rữ rượi trán có vết nhăn. Mới đây nhận thêm thư nhà Dung đem cho anh xem. Trong thư nói thằng Đợi về ở với cậu Hai, tức là ông già vợ của Hải, nó hỏi xin tiền mua chiếc Dream II và ở nhà xây thêm cầu tiêu và bồn tắm tổng cộng năm ngàn đô, xem thư xong Hải trao lại cho Dung:

- Em tính sao cũng được.

Đêm khuya Dung đánh thức Hải dậy, cô nói trong tiếng khóc:

- Anh ơi anh.

Gì vậy em?

Mình tính sao đây ?

Từ lúc Dung sanh chứng mất ngủ cho tới giờ, tuy Hải không nói ra nhưng lúc nào anh cũng chú ý đời sống tinh thần của vợ. Đến nước này anh cần phải lên tiếng thôi.

- Em nín khóc đi.

Hải ngồi dậy lấy bình nước rót một ly đưa cho Dung.

- Em uống đi, rồi nằm xuống hít thở một lát rồi ngủ, chuyện bên nhà để bên nhà lo khi nào vợ chồng mình giàu có rồi tính. Anh sẽ viết thư nói cho ba biết hoàng cảnh của gia đình mình.

- Ba má em thì được rồi nhưng còn thằng Đợi?

- Năm nay nó đã ngoài hai mươi rồi, nó biết cầm dao rượt chém ba nuôi nó, thì nó phải đủ bản lĩnh ra đòi kiếm sống, em nên dồn hết tâm trí lo cho bốn đứa con của em kia. Xe trước lật rồi, xe sau tránh, hy vọng còn vớt vát lại mấy đứa nhỏ.

Thấy vợ bớt căng thẳng anh chỉ tay lên trán Dung pha trò:

- Để cho cổ rồi lo.

Dung bấu mạnh vai chồng lấy đà nằm xuống phùng phịu:

- Em muốn đẻ nữa.

Hải kê gối gối đầu và kéo mền đắp cho vợ xong, anh nằm xuống cạnh bên và luồn tay xuống dưới dạ bụng mân mê:

- Muốn vậy thì em phải đi bác sĩ nổi buồng trứng lại.

Đợi Dung ngủ say, Hải qua phòng sách lấy giấy viết ra viết thư cho ông Tài. Anh nói thẳng cho ông biết, cũng vì u mê mà anh và ông mắc phải một sai lầm, làm cho tôn ti trật tự trong gia đình đã đảo lộn hết, bao nhiêu đó cũng đủ cho lương tâm ray rứt suốt đời rồi. Anh khuyên ông nên dừng lại, đừng quá tham lam mà gieo khổ cho con, cho cháu sau này...

Hôm sau Hải đưa thư cho Dung đọc và hỏi:

- Em thấy thế nào.

Cũng được.

Dung trao thư lại cho anh đem đi gửi. Cũng từ hôm đó, tánh tình của Dung mỗi ngày một thay đổi, trong gia đình Dung lo cho chồng cho con rất là chu đáo, duy có một điều cô nhỏ càng ngày càng lạnh nhạt với anh, nhứt là chuyện chăn gối không còn mặn nồng như trước nữa. Có lần Hải thắc mắc hỏi thì Dung gượng gạo biểu, hồng có gì, rồi ôm anh thật chặt và gục đầu lên vai anh mặc cho hai dòng nước mắt tuôn chảy...

Bảy năm qua rồi ở bên nhà không thư qua nữa. Và cuộc sống tẻ nhạt của gia đình Hải vẫn tiếp tục điều trôi không biết tới bao giờ... Nhiều đêm ngồi một mình nhớ lại những chuyện đã xảy ra, anh tự hỏi: Hồng biết bên bên có còn ai đợi chờ anh như lần đầu anh rời xa bến đấy.

Dronten 02/05/04

Phụ đính:

Thời lưới gộc

LTS: Nhà văn Nguyễn Lê Hồng Hưng đã viết nhiều truyện ngắn và tạp bút rất sống động về cuộc đời trôi nổi trên biển cả của anh. Trước đây, anh đã xuất bản truyện ngắn *Mùa Cá Đường Hội (2005)*, cũng nói về thời đánh cá gộc ở vàm sông Ông Đốc, Mũi Cà Mau trong khoảng thập niên 1960.

Lúc mới vào nghề đánh cá tôi có nghe bậc đàn chú, đàn anh làm nghề lưới gộc lâu năm kể lại. Hồi trào ghe buồm một chiếc ghe bèo dài trên mười thước chở theo dàn lưới gộc chừng hai ba trăm sải tay. Sáng sớm ngư phủ dựng buồm cho ghe ra bãi bủa lưới, xế chiều kéo lưới trở về cá gộc khẳm ghe. Đầu như sau này, lưới cước bén và dài cả ngàn sải và phải chạy tuốt ra khơi đánh, dác nào kéo được một hai trăm con là đã trúng lắm rồi. Thời đó chưa có nước đá, cá gộc và bong bóng làm khô bán cho người Tàu; bong bóng họ nấu cao lâu hay làm thuốc bổ thận cường dương gì đó? Còn thầy cá khô họ dành ăn cháo trắng, cho nên cá gộc bán không được giá lắm. Về sau nhờ cá gộc đông đá xuất cảng giá mắc gấp ba bốn lần cá khô nên xóm lưới gộc mới trở nên giàu có.

Một tay lưới gộc chiều dài mười sải, dáo dài ba sải. Thời ghe buồm lưới gộc đan bằng chỉ gai, cọng lưới lớn hơn đầu dừa ăn một chút, lỗ lưới mười phân. Đến khi Singapore (Tân Gia Ba) qua mua bán, trao đổi, họ đem cước cho dân nơi đây đan lưới thí nghiệm. Lưới cước thành công nhờ bén cá và nhẹ hơn lưới gai. Từ đó dân lưới gộc dùng cước số một trăm tư, cọng nhỏ cỡ đầu dừa ăn và cũng đan lỗ lưới mười phân như cũ. Lưới dùng đánh cá gộc và cá đường. Ngoài ra lưới còn bắt được cá sóc, cá sủ, cá sạo, cá bè và

nhiều thứ cá lật vật cùng lú, tức là con cá nào bằng bắp chun trở lên mới đóng được lưới gộc. Cá đường thì hội hoặc về bãi có mùa còn cá gộc đánh được gần suốt năm nên dân ngư đặt tên là lưới gộc.

Lúc tôi còn nhỏ ghe lưới gộc gắn máy hiệu gì tôi không biết, chỉ nhớ là mỗi buổi chiều vài chiếc ghe nổ máy phành phạch phun khói ra khơi cùng nhiều ghe mang những cánh buồm được đan bằng đệm hoặc vải dày màu trắng. Có lẽ mấy cái máy thời đó được nhập từ Ấn Độ nên người ta gọi là máy Ấn Độ. Tới khi tôi khôn lớn và nhận thức được thì máy Yanmar F5-F10 nằm ngang của Nhật Bản đã lần lượt thay cho máy Ấn Độ đã lỗi thời. Tuy nhiên ngư dân ở đây vẫn còn se chỉ gai để đương lưới gộc. Khoảng giữa thập niên sáu mươi Sông Đốc vằm thành lập hợp tác xã giao thương với Tân Gia Ba. Tân Gia Ba cho tàu qua neo ở cồn ngoài mũi Cà Mau cạnh vùng biển của lưới gộc hành nghề, chờ khi ngư phủ kéo lưới được cá thì cặp lại tàu của họ cân để cho họ bỏ xuống hầm lạnh đông đá liền tại chỗ. Phần ngư phủ cân cá xong lấy phiếu, chờ hết con nước về hợp tác xã đếm phiếu tính tiền. Sông Đốc vằm lúc đó trở thành một thương cảng là nhờ cá gộc được xuất khẩu với giá cao. Cũng từ đó dân ngư nơi đây mới biết cách dùng nước đá để ướp cho cá tươi. Ngoài cá gộc ra người ta còn xuất cảng vi cá mập, bong bóng cá đường và rất nhiều bong bóng khô và cá, tôm khô khác...

Tôi chưa thấy thời nào Sông Đốc vằm phồn thịnh và dân ngư nơi đây có cuộc sống sung túc như những năm sáu mươi. Có lính đóng đồn nhưng không chiến tranh, có dân bài bạc nhưng không trộm cắp, ngư phủ ăn nhậu nhưng không du côn lập băng lập đảng đánh nhau. Tuy nhà lá xập xệ nhưng con gái, đàn bà bận đồ vải nhập từ Tân Gia Ba, tay đeo vòng cẩm thạch, bông tai, cà rá làm bằng vàng y. Con trai thì đeo đồng hồ hiệu Titoni, hút thuốc con mèo. Đầu con nước ra biển măn con nước về ăn nhậu, đờn hát...

Khi tôi nhập vào làng ngư phủ thì máy Yanmar đầu xanh, đầu bạc loại đứng; máy đầu xanh một lốc mười ngựa, đầu bạc một lốc mười lăm ngựa được thay cho máy Yanmar F5 - F10. Ban đầu dùng Yanmar đầu xanh gắn ghe mũi nhọn mà người ta gọi là ghe bô lão. Về sau ghe lưới gộc đóng theo kiểu Thái Lan mũi thẳng đứng có ca-bin rộng và mỗi chiếc trọng tải trên hai chục tấn, gắn máy Yanmar đầu bạc ba lốc, bốn lốc...

Rất tiếc cuộc sống sung sướng, vui vẻ ấy đến với dân vùng ven vằm sông Ông Đốc quá ngắn ngủi. Bắt đầu năm 1968 chiến tranh tràn lan làm cho Tân Gia Ba không giao thương được nữa và hợp tác xã ở sông Ông Đốc vằm cũng giải tán luôn. Đường sông Cà Mau – Sông Đốc vằm bị cấm. Không lưu thông được trên sông về Cà Mau thì dân nơi đây mở đường biển lên Rạch Giá. Những ghe lưới gộc cũng phải lên Rạch Giá lấy nước đá và thức ăn đủ cho một tháng ra khơi, đánh tới măn con nước thì cho ghe trở về Rạch Giá bán cá và lấy thêm nhiên liệu trở về Sông Đốc vằm cho ngư phủ nghỉ ngơi chờ đầu con nước lại ra khơi đánh tiếp.

Khi tôi thành ngư phủ chuyên nghiệp thì ghe lưới gộc đã dùng máy kéo, tuy không còn hì hục kéo lưới bằng tay như đàn anh, đàn chú trước kia nhưng máy móc mỗi ngày một tối tân và kỹ thuật đánh bắt mỗi ngày một tinh vi đánh riết rồi cá gì cũng phải hết. Trước kia, sáng cho ghe ra bủa lưới, chiều kéo lưới gỡ cá cho ghe chạy về cồn neo muối cá, xong ngư phủ đánh một giấc thẳng cẳng tới sáng sớm hôm sau tiếp tục. Sau này cá đóng ít phải canh nước đánh đêm và đánh trum lên rạn(1), vậy mà lăm khi đánh cả tháng trời về bán cá tính ra chỉ đủ sở hụi.

Tôi còn nhớ rất rõ cái mùa lưới cuối cùng năm ấy.

Lúc chạng vạng tối một chiếc ghe Thái Lan bốn lốc đầu bạc từ ngoài làn nước xanh chạy phăng phăng vô cồn bùng rồi bỏ neo. Sau khi neo ghe xong bác Sáu kêu tôi tắt máy và mở đèn bên ngoài. Dưới ánh đèn nê-ông sáng choang, những con cá gộc màu vàng, mỗi con nặng có hơn chục ký, chúng nằm lẫn lộn chung với cá lật vật đầy nhóc trên boong. Mấy anh ngư phủ cột xong dây neo lần chen chun bước trong đồng cá mà đi. Hai Dê phía trước đi lại thấy bác Sáu trong ca bin lộ đầu ra, anh hơn hờ nói liền:

– Ngày mơi cá còn đóng như vậy thì chắc hồng đủ nước đá đánh tới măn con nước quá bác.

Bác Sáu kiêu hãnh hỏi lại:

– Sao hồng đủ mậy?

Hai Dê chỉ vô đồng cá:

– Bác thấy đó, cả thầy một trăm ba chục cá gộc, tính sơ sơ mất hết ba bốn chục cây nước đá đó là chưa kể mấy trăm ký cá vạt mà nước đá mình ướp xong đợt này còn bảy tám chục cây là cùng.

Bác Sáu vừa trả lời vừa ra lệnh:

– Cái thằng dốt tính, bắt đầu từ đêm nay nước đá chỉ dành ướp cá gộc còn cá lật vạt cho xẻ muối măn măn khô hết.

Suốt ngày kéo lưới mệt lả người, còn một đồng cá gộc chưa mổ bụng, moi ruột bỏ xuống hầm đông đá mà còn phải xẻ cá muối mặn, cái điều này chắc phải thức suốt đêm rồi. Ngày nào khác chắc ngư phủ kêu trời, nhưng hôm nay ai cũng vui vẻ chấp nhận ý bác. Cả mùa qua chưa đánh dác nào được trên trăm con cá, bây giờ chỉ mong cá tiếp tục đóng cho tới mãn con nước có thức suốt cũng chẳng hề gì. Hơn nữa gần tới Tết rồi ai cũng quyết chí phải về ăn Tết với vợ con cha mẹ linh đình một năm cho bỏ phen cực nhọc. Hai Dê đề nghị anh em bắt tay mổ bụng cá liền. Bác Sáu gạt ngang:

– Thôi, vô cơm nước trước rồi ra mần, đêm nay tao thức mần với tụi bây.

Trong bữa ăn bác Sáu vui vẻ nói huyền thuyên về kinh nghiệm đánh cá của mình hồi trào ghe buồm. Kính lão đắc thọ, chúng tôi ngồi nghe bác nói, dù sao đi nữa bác cũng thuộc hạng kỳ cựu trong nghề lưới gộc. Trong đời bác đã trúng cá và trúng nhiều hơn bây giờ nữa, nhưng có lẽ đây là lần đầu tiên bác vui nhứt trong đời lưới gộc. Nguyên nhân hồi đầu năm 1972 vùng biển khơi mũi Cà Mau xuất hiện hai chiếc tàu sắt lớn bằng những chiếc hạm tuần biển, máy móc gì hồng biết mà nổ nghe bành bành, ống xẹt măng phung khói cuộn cuộn. Hai chiếc kéo miệng cào bề ngang có hơn trăm sải, lướt qua rặng ngọt sớt. Mỗi lần đổ đục họ dùng cần trục câu lên cá lớn họ bắt, cá nhỏ họ liệng trôi trắng mặt biển... mặc sức cho bầy nhàn bu lại sớt ăn.

Từ đó trở đi vùng biển của lưới gộc bị hai chiếc tàu sắt quậy đục ngẫu nhiên như vậy cá voi còn phải trốn nữa nói chi tới ba con cá gộc. Trong thời gian đó có cào Xiêm cào tôm thẻ cũng trúng lắm cho nên ghe lưới gộc lần lượt đổi sang nghề cào Xiêm hết. Vì danh dự nghề nghiệp ba đời mần lưới gộc bác Sáu quyết bám theo nghề lưới gộc cho tới cùng. Theo bác thì biển cả là nghề của ba Cậu (2) thì làm sao mà lường trước được, con nước này thất thì chờ con nước sau, mùa này thất thì chờ mùa tới. Kệ bác nói gì thì nói, dằng bạn thấy lưới gộc hết thời bèn bỏ bác sang qua đi cào. Còn lại anh Hai Dê là bạn thân tín hồi còn ghe bô lão và tôi từ mới tập sự đã theo ghe của bác cho tới ngày nay nên chúng tôi không nỡ lòng bỏ bác mà đi.

Đầu tháng Chạp âm lịch cũng là đầu mùa lưới gộc. Bác Sáu kêu thêm mấy người bạn mới, phân Hai Dê làm chủ lực, tôi làm tài còi và bác làm tài công, sau khi xuống lưới bác cụng cặp vịt cho dằng bạn ăn nhậu đã một bữa rồi bác cho ghe trực chỉ xuống cồn ngoài khơi mũi Cà Mau. Bác thẻ có ba Cậu, Nam Ông đánh không có cá gộc bác sẽ không về ăn Tết.

Năm nay hai chiếc tàu sắt cào đôi có lẽ đã đổi vùng nên không thấy bóng dáng chúng đâu hết. Một mình một còi thênh thang mặc cho bác bủa lưới ngang dọc. Mới dác đầu đã hơn trăm ký cá vật và tám chục con cá gộc và hôm nay là dác thứ hai trúng hơn cả trăm con. Bác Sáu vui mừng chửi thẻ ồm tỏi lên:

– Bà mẹ, chuyến này về tao cho mấy thằng cào Xiêm tối mày tối mặt luôn!

Thường thì chuyến ra khơi là một tháng, nhưng chuyến đó chưa đầy ba tuần lễ mà bốn trăm cây nước đá đã hết sạch, dác lưới cuối cùng bác phải ướp sương sương cá gộc rồi cho ghe chạy thẳng lên Rạch Giá. Bán cá xong trở về Sông Đốc vằm đúng ngày hai mươi ba tháng Chạp ta. Sau khi chia tiền cho bạn xong bác vật con heo trăm ký, xẻ thịt chia cho dằng bạn đem về ăn Tết với vợ con và bác còn lì xì cho mỗi đứa một bao phong bì màu đỏ dầy cộm.

Sau chuyến bác Sáu trúng cá gộc, đám cào Xiêm tối mày tối mặt thiệt chớ hồng phải chơi. Họ đâu để bác dễ dàng ăn một mình như vậy được. Những tay lưới gộc đã cất trong nhà chứa vật dụng bây giờ lôi ra cột dây ranh lại, kéo hết dằng lưới xuống ghe, cứ ra khơi đánh thử một vài con nước nếu được thì tiếp tục, không thì vờn ngán ra cào tiếp có chết ai đâu. Đầu mùa gió chướng năm ấy những ghe lưới gộc đã trở lại vùng biển cũ.

Biển im phẳng phắc và nước trong xanh. Chiều kéo lưới bầy cá mập lác (3) lượn quanh ghe tấp phàm phạp, chúng chầu chực chờ những con cá đóng lưới được ngư phủ kéo lên gần mặt nước thì nhào tới xót một cái tức thì con cá bị tiện hết khúc đuôi máu loang đỏ lôm, máu loang càng nhiều thì cá mập kéo tới càng đông. Ngư phủ người kéo lưới người dùng mung phóng xuyên qua lưng và lấy câu bắt kê ngang hông giựt từng con cá mập kéo lên ghe. Có đêm tranh dành với bầy cá mập cho tới giữa khuya mới kéo xong dác lưới, đã mất thời giờ mà còn thiệt hại. Kéo lên được trăm con cá gộc thì bị cá mập tấp mất gần phân nửa hết ba chục con, nhìn những con cá bị đứt khúc nằm ngổn ngang thấy mà xót ruột. Tuy nhiên các anh ngư phủ cũng bắt được một mớ cá mập, nhưng vì cá mập lác không đủ tiêu chuẩn bán, còn xác mần khô thổi bán cho dân nhậu hoặc mấy bà buồn miệng nướng ăn chơi thì đâu được bao nhiêu tiền.

Dác lưới đầu ghe nào cũng được vài chục cá gộc và cá lật vật có trên trăm ký. Ai cũng tin chắc năm nay cá gộc sẽ đóng trở lại.

Niềm hy vọng của họ chỉ được vài ba con dác lưới đầu thì có chuyện xảy ra. Một sáng nọ, trong lúc ngư phủ ăn bữa cháo lót lòng trước khi ra khơi bủa lưới. Chợt nghe tiếng máy nổ phành phành, mọi người giựt mình nhìn ra ngoài cồn. Chao ơi! trời mới vừa dâm mây ngang (4) mà đèn của hai chiếc tàu sắt sáng trưng ở bên ngoài bìa rạn, có lẽ họ đang kéo dác cào hừng đông. Hồi đầu mùa cho tới bây giờ vui mừng vì cá

gộc đóng trở lại nên dân ngư quên mất hai chiếc tàu sắt ăn hại kia, bây giờ thấy nó lù lù trở lại làm ai này lạng thình không nói lời nào chỉ biết nhìn nhau thờ dài ngao ngán.

Không biết từ hồi nào ngư dân có luật dưỡng ngư không văn bản, vùng cá gộc chỉ có lưới gộc được đánh, những lưới nhỏ hơn không được đánh vào, ngược lại những vùng của lưới khác thì lưới gộc cũng không được xâm phạm. Nhưng hai ông tàu sắt này ở đâu hồng biết, cứ ngang nhiên cho ghe cào càng đại võ lưới người ta, có ghe bị hai chiếc cào cho cả dàn lưới nát bét, hể chạy tới mắng vốn thì mấy ông đem súng ra dọa. Có tin đồn hai chiếc tàu đó là của vợ ông tổng thống và cũng có tin khác nói là của ông tướng nào ở Sài Gòn. Thời thời nào cũng vậy hể ai có súng thì người đó có quyền mưa làm làm gió, là dân đen chỉ biết ngược mặt kêu trời.

Mấy năm nay tới mùa cá đường hội, thì mấy ông lính địa phương trong Gò Công và Ông Trang ra bắt phải đóng hối lộ. Ghe nào không tiền thì phải nạp bong bóng cá đường; không bong bóng, không đóng tiền thì mấy cha cầm ghe người ta lại chờ người nhà đem tiền xuống chuộc bằng không thì không cho về. Lưới gộc sống nhờ vào cá gộc và cá đường, nhưng hai nơi này không còn yên ổn nữa, thôi thì rũ lưới thiệt sạch ẻm vừa ranh vừa lưới xuống một hầm rồi ráp miệng cào, vươn ngang ra chạy về hòn Chuối, hòn Hàn cào tôm bạc thê cho chắc ăn.

Những ghe có ráp cào Xiêm đi hết còn lại mình ên bác Sáu. Mỗi sáng bác chạy khỏi lán cào của hai chiếc tàu sắt bác mới cho bữa lưới, nhưng đánh kiểu này thì lết bì cá, cho nên ba bốn dác lưới mà chẳng thấy mặt mũi con cá gộc nào hết. Muốn lấy đủ sở hụi bác phải canh nước đánh đêm. Chiều lên khi mặt trời vừa lıp xuống viền nước phía trời Tây, bác Sáu cho ghe chạy tuốt ra ngoài mực nước sâu mười bốn sải, bác lên ranh đánh nỗi hy vọng bắt được mớ cá bè làm khô sinh(5) bán lếp vào sở hụi. Bữa lưới xong trời cũng vừa sụp tối, bác ngồi canh cho tới khi khuya mới kêu Hai Dê ra thay canh cho bác đi ngủ. Trong lúc mọi người yên giấc, chợt nghe tiếng Hai Dê kêu giựt giọng:

– Bác Sáu! Bác Sáu ơi! Lưới bị đứt rồi sao mà ghe trôi ào ào bác ơi!!

Bác thức giấc cầu nhàu.

– Cái thằng, đánh nỗi thì lưới phải trôi nhanh.

Tuy miệng nói vậy nhưng bác cũng lồm cồm ngồi dậy đi ra phía trước. Tôi cũng thức dậy theo bác. Bác ra mũi cầm dây dung lên thấy lưới còn bác trở lại hồng ghe lẩy trái dò thấy xuống dò nước, khi trái dò chạm tới đáy biển bác thấy ghe trôi ào ào không được bình thường lắm. Bác kêu tôi xuống đề máy và đánh thức đám bạn dậy thay đồ chuẩn bị kéo lưới.

Các anh vừa choàng dây dung lên trái lạng cho máy kéo lưới chợt máy cuốn ro ro lên hơn ba tay lưới thì hết, phần còn lại gần nguyên dàn lưới trôi đâu mất tiêu. Bác Sáu đứng sững hồi lâu, ngao ngán thờ dài, không nói không rằng bác vô mui quay vô lạng cho ghe trực chỉ hướng cồn, tới cồn bác ra lệnh bỏ neo. Từ lúc neo ghe cho tới sáng đâu ai ngủ nghề gì được. Mấy người pha hết bình trà này qua bình trà trà khác ngồi nhâm nhi đoán già đoán non coi lưới trôi hướng nào.... Khi trời vừa dâm mây ngang bác Sáu kêu tài cải đề máy và ra lệnh nhổ neo. Bác phân công Hai Dê và bác thay phiên nhau cầm lái, tài cải cùng dàn bạn đứng trên mui ghe dòm nếu thấy ranh thấy lưới thì xuống báo cho bác hay....

Suốt ba ngày trời ban đêm neo ghe, ban ngày cho ghe chạy từ cạnh phía Nam hòn Hàn xuống tuốt hòn Khoai đôi lần bác cho ghe vô vùng cấm nhưng ngoài hai chiếc tàu sắt đương tung hoành trên vùng biển lưới gộc trước kia và vài chiếc ghe câu khơi thấp thoáng phía ngoài hòn Khoai ra chẳng thấy bóng dáng đâu là cờ hay ranh lưới nhà. Hồng lẽ cứ còm ghe bè bạn chạy khơi khơi như tàu tuần biển. Sáng sớm hôm đó tự nhiên bác Sáu đánh thức dàn bạn dậy, gương mặt bác hết căng và cau có. Bác kêu thằng nhỏ theo nấu ăn mở hầm lấy con cá sạo nấu cháo và kêu một ngư phủ nướng khô cá đuối và đem hết bánh kẹo ra. Còn hơn nửa can rượu bác kêu tất cả tụ tập vô ca bin ngồi vòng tròn. Uống vài cốc bác ôn tồn nhỏ nhẹ:

– Tao suy tính kỹ rồi, không kiếm lưới nữa, có chạy thêm chỉ tốn dầu, thiết nghĩ lưới gộc hết thời rồi, có kiếm được dàn lưới đem dĩa cũng để chậ nhà chớ chẳng ích lợi gì.

Bác nhìn mọi người dò ý, thấy ai cũng yên lặng chờ nghe. Bác nói tiếp:

– Về kỳ này tao giao ghe cho thằng Dê làm tài công, day qua tôi bác nói, còn thằng Cu, mày theo phụ anh Hai mày ra Sơn Rái gắn ngang, ráp cào dĩa đi cào với người ta.

Bác khoa tay qua dàn bạn:

– Đứa nào theo cào thì theo bằng không thì nhảy qua ghe khác. Có đứa nào ý kiến gì hông?

Bác quyết định rất hợp tình hợp lý nên ai cũng đồng ý ở lại với bác làm nghề cào. Tôi lên tiếng hỏi:

– Vậy còn bác thì làm gì?

Bác hừ một cái:

– Thằng hỏi kỳ cục, tao về nhà làm chủ của tụi bây, lưới gộc đã bỏ tao rồi thì tao cũng hồng cần nó nữa, về chuyển này tao bỏ biển luôn.

Cả dàn bạn vui vẻ và nhẹ nhàng như vừa trút đi một gánh nặng. Khi cháo chín, thằng nhỏ dọn lên mọi người ăn và uống hết can rượu bác Sáu mới chịu nhổ neo và cho ghe trực chỉ về vàm Sông Ông Đốc. Đó là chiếc ghe cuối cùng đã bỏ nghề lưới gộc vào giữa mùa gió chướng năm 1973.

Chú thích:

1. Rạn là đá ngầm dưới lòng biển.
2. Ba Cậu chớ không phải bà cậu. Theo truyền thuyết, thì ngày xưa, lúc chưa có lưới dân ngư bắt cá bằng cách xuống biển mò. Có bà mẹ và ba đứa con trai sống trong một làng ven biển. Một hôm bốn mẹ con cùng với dân làng ra bãi mò cá. Tình cờ bà mẹ bị sóng cuốn trôi. Ba cậu con trai bèn lặn xuống biển mò tìm xác mẹ, nhưng mò hoài không được. Ba cậu về nhà nghĩ ra một cách là xe chỉ đan thành miếng lưới. Đan lưới xong ba cậu đem ra biển thả xuống rả. Rả hết ngày này qua tháng nọ nhưng vẫn không tìm được xác mẹ, thay vào đó cá đóng lưới rất nhiều. Dân trong làng thấy lưới đánh cá có hiệu quả bèn bắt chước xe chỉ đan lưới hành nghề. Lưới giúp ngư phủ khỏi phải lặn hụp dưới biển vất vả mà lại ít hiểm nguy và nhờ trúng cá dân trong làng có được đời sống ấm no. Sau này ba cậu chết người ta nhớ ơn lập bàn thờ ghi nhớ. Cũng từ đó dân biển xem ba Cậu như là tổ của nghề chài lưới.
3. Cá mập lác mỗi con chừng ba chục ký trở lại.
4. Mây dầm ngang là lúc trước rạng đông ở phía mặt trời mọc có những đám mây xám, mây đen dầm qua dầm lại và biến đổi nhiều hình dạng khác nhau.
5. Cá bè để tươi làm khô thịt cứng ăn không ngon, nhưng để sinh lên xẻ ra bỏ xương, lấy hai miếng thịt hai bên đem muối mặn, phơi khô thì thịt xốp và thơm, nướng ăn cháo trắng hoặc hấp với nắm mè, bún tàu... ăn với cơm trắng rất ngon.

Ngày nghinh Ông bên vàm sông Ông Đốc

Sông Ông Đốc vàm, giữa tháng hai âm lịch, trên con đường dẫn ra lãng ông Nam Hải, nhiều người ăn bận chỉnh tề, nách bưng, tay xách, đầu đội những mâm bánh, mâm xôi, mâm trà, mâm trái cây có phủ giấy kiếng màu đỏ, mâm đầu heo bọc mỡ sa. Có người xách tòn ten cặp gà, cặp vịt, nách kẹp chai rượu để còn đầy. Thấy cảnh này cũng đủ biết năm vừa qua mùa biển trúng, vậy ngày nghinh ông chắc chắn sẽ linh đình.

Ngoài những lễ vật dân trong xóm đem ra cúng, trong lãng còn vật thêm đôi heo trăm ký, hàng trăm con gà vịt cũng bị cắt cổ nhỏ lông.

"Theo truyền thuyết, tục thờ cá ông của ngư dân nước ta có đầu từ đời xưa đời xưa lặn, hồi trước thời Gia Long, cá ông chưa có chức tước, lúc đó ngư phủ còn gọi là thần Nam Hải. Mỗi khi ra khơi gặp sóng to, gió lớn, ghe sắp chìm, ngư phủ hè nhau gọi lớn: "Thần Nam Hải cứu tôi với!". Tức thì thần trỗi lên kê lạng đỡ lườn ghe lội một mạch đưa nghe vô bờ. Theo hầu thần có cặp cá đao, cặp cá đao này ngoài việc bảo vệ thần còn có quyền xử tử nếu thần làm không tròn bổn phận. Thí dụ như có tiếng ngư dân kêu cứu, thần chậm trễ để ghe chìm, người chết, lập tức cặp cá đao day ngang chém mỗi con một đao thì thần sẽ bị đứt lia ra ba khúc.

Lúc chúa Nguyễn bị quân Tây Sơn rượt chạy ra biển, bất ngờ gặp bão, thuyền sắp đắm, đám quân sĩ hè nhau kêu cứu, thần liền chạy tới đỡ thuyền ròng đưa vô hòn Sơn Rái, nhờ đó mà vua thoát nạn. Sau này khôi phục được giang sơn, vua nhớ ơn phong cho thần chức Nam Hải Tướng Quân. (Cùng lúc vua cũng phong cho loài rái trắng ở hòn Sơn Rái là Lang Lại Đại Tướng Quân)*. Từ đó về sau ngư dân ra biển gặp nạn, đổi lại kêu tướng quân Nam Hải tới cứu."

Những lãng tằm khác đều có ngày thống nhứt để cúng giỗ hàng năm, nhưng lãng ông Nam Hải thì không, cho tới nghi thức lễ bái cũng khác nhau. Chỗ nào có cá ông lụy chỗ đó có lãng. Người ta lấy ngày cá ông lụy đầu tiên làm giỗ, ngày đó được gọi là ngày nghinh ông. Những vùng ven biển nước ta có rất nhiều lãng ông Nam Hải, nhưng ngày nghinh ông không trùng nhau là vậy.

Người nào gặp ông lụy đầu tiên phải nhận làm con trưởng và chịu tang ba năm. Theo dị đoan, trong thời gian chịu tang người con trưởng phải chịu nghèo khổ, sau đó mới cất lên được.

Buổi sáng tháng hai năm 1948, ông Tư Đạo đi kéo lưới rừng ngoài bãi, thấy ông lụy nằm trên bãi bùn, ông Tư sợ bị nghèo nên bỏ con nước lưới hôm đó mà trốn về xóm. Sau đó có ông đẩy ruốc, gặp ông này không sợ nghèo nên nhận làm con trưởng rồi trở về xóm kêu bà con ra thỉnh ông vô. Thỉnh, có nghĩa là bày nhang đèn, lập bàn hương án đem chỗ ông lụy vái lạy. Xong cột đuôi, xô mang ông buột vô lái ghe kéo. Bà con hì hục cả buổi nhưng “thỉnh” ông không chịu ra. Có một người đi bạn cho ông Tư nói lại, chính ông Tư mới là người thấy ông lụy đầu tiên. Bà con vỡ lẽ ra, ben cho người vô xóm bắt ông Tư ra làm lễ chịu tang và nhận làm con trưởng, có như vậy ông mới chịu cho thỉnh về.

Đem ông vô đầu xóm, người ta đào một cái hầm rồi bỏ ông xuống. Trong thời gian này, bà con trong xóm lưới cùng nhau đón cột, xẻ lá cất lãng. Chờ đến khi ông sinh, rã hết thịt, mới hốt cốt bỏ vô một chiếc quách và lập bàn để lên thờ. Ngày gặp ông lụy là ngày mười sáu tháng hai năm 1948. Dân trong xóm lấy ngày đó làm lễ nghinh ông hàng năm. Về sau có thêm hai ông lụy nữa, thành ra sông Ông Đốc vằm tới năm bảy mươi tám có ba ông, hài cốt được đưng riêng ba quách.

Hồi đó dân cư còn ít và nghèo nên cất lãng lợp mái, dùng vách bằng lá dừa nước, cột bằng cây đước, nằm lơ lơ bên vằm. Mỗi năm tới mùa gió nam mưa to gió lớn, lãng thường bị tốc nóc, bà con trong xóm phải xúm nhau sửa sang lại. Sau này dân cư tụ về đông, sông Đốc vằm trở nên thịnh vượng, bà con bàn nhau lập thành hội lãng. Trong hội gồm có hội trưởng, hội phó, ban tài chánh, ban ẩm thực, ban tiếp tân. Ngoài ra còn có đội lân, và mười hai người khiêng nhà giàng. Hội còn nuôi một ông già để giữ lãng, ông ấy được gọi là ông Từ Lãng.

Hồi xưa, đình làng có chiếu trên chiếu dưới, và sắp đặt thứ tự chỗ ngồi như thế nào không biết, nhưng lãng ông bây giờ thì không. Dĩ nhiên người lớn không ngồi chung với con nít, vì con nít không biết uống rượu. Ngược lại con nít cũng không thích ngồi chung với người lớn vì sợ ăn uống mất tự nhiên. Có dãy bàn được dành riêng cho chúng mà chúng không chịu ngồi. Nhiều đứa lấy tô ra sau bếp múc một tô cháo, xin vài cái trứng non bỏ vô cho có thêm hương vị rồi tản mác ra góc hè ngồi 'cháp'. Có đứa rinh cục xôi tổ chẳng với cục thịt khìa, nhón nhác ra ngồi cạp dưới gốc cột cờ. Những ngày này, ra lãng không sợ đói, lại vui vẻ nhờ gặp đủ mặt người quen.

Ngoài lễ lộc hàng năm ra, hội lãng cũng làm được những việc từ thiện cho bà con trong xóm. Nhà nào có đám ma, đám cưới, có thể ra lãng mượn chén, đĩa, bàn ghế. Đám ma nào sang trọng có thể mượn luôn nhà giàng (lúc này mười hai người khiêng nhà giàng trở thành đạo ti). Tết thì có đội lân, múa giúp vui, lân ăn được bao nhiêu tiền đều đem về cho hội. Đoàn lân này do ông Từ Lãng huấn luyện, nhờ ông có võ Thiếu Lâm truyền lại cho các anh trong đội nên con lân được mang râu bạc. Đặc biệt đoàn lân này, ngoài lân, địa ra còn có thêm ông Tề múa thiếc bằng dẫn đầu.

Sau năm 1968. lãng ông được dời vô đầu khu hai ven rừng, mắm. Bây giờ lãng được xây lại thành hình chữ nhật, mái xiên lợp tôn, vách xây bờ tường, tô vôi vàng nhạt, chân tường viền màu đỏ. Phía sau là một chái rộng lợp thiếc, vách lá làm nhà bếp. Trong bếp có hai chảo đưng đặt trên chiếc lò đưng đắp bằng đất, bên cạnh là buồng chứa nồi niêu, chén, đĩa. Phía sau nhà bếp là một sân lãng de ra mé rạch, là chỗ cạo heo, nhổ lông gà, lông vịt và rửa chén đĩa... Phía trước một khoảng sân rộng có cột cờ cao, nơi đây lâu lâu mấy anh trong đoàn lân ngựa nghè có thể xách lân ra dợt. Trong lãng được ngăn ra làm hai gian : một bên thờ ông, một bên làm phòng khách có xếp ba dãy bàn, góc trong có mấy bộ ván ngựa lót liền nhau, dành riêng cho mấy bà ngồi uống trà, ăn trà, tán gẫu.

Bên gian thờ Ông, trên bàn thờ có ba cái quách màu đỏ đưng cốt ba Ông. Ông lụy đầu tiên để chính giữa kê lên hơi cao một chút, còn hai ông lụy sau này để hai bên tả hữu. Sau ba cái quách, trên vách tường có hàng chữ đỏ đề NAM HẢI TƯỞNG QUÂN. Trước ba cái quách có một lư hương lớn. Cạnh bên trái đặt một bàn thờ thờ những oan hồn người chết vì nghề biển. Phía ngoài có hai tấm màn màu vàng viền ren kim tuyến. Ngày thường màn được phủ xuống, ngày lễ được vén lên để lộ rõ hai cặp đao của cá đao dài gần hai thước vắt chéo nhau, phía trước bàn thờ là một khoảng trống để hành lễ.

Lễ nghinh ông được cử hành lúc hừng đông, vì họ phải đưa ông về biển từ sáng cho tới chiều tối mới trở về.

Sáng sớm, chiếc nhà giàng đã ráp sẵn để trước sân cò. Những người theo nghinh ông được phục vụ cơm nước trước. Nhóm khiêng nhà giàng bận đồng phục, áo quần đen viền ren màu vàng. Đội lân cũng sẵn sàng đầy đủ, áo thun trắng, quần đen có hai sọc trắng dọc sườn hai bên ống quần. Giờ hành lễ thì phải chờ mấy ông coi giờ tốt quyết định, nhưng bắt buộc phải ban sáng mới kịp.

Tới giờ nghinh Ông, trước bàn thờ, nhóm khiêng nhà giàng đứng xếp hàng hai bên tả hữu, day mặt lên bàn thờ. Phía trên, trước bàn thờ, có sáu ông bận lễ phục màu vàng, đầu đội mũ cánh chuồn. Bác Tư Đạo với tư cách con trai trưởng bận áo dài khăn đóng màu đen, đi ra lạy trước, xong ông bước vô đứng một bên. Sau đó, sáu ông bận lễ phục bước ra đứng trước bàn thờ vòng tay ngang trán. Tiếp theo, nhóm khiêng nhà giàng bước ra xếp hàng tư cũng vòng tay ngang trán. Một trong sáu ông bận lễ phục bước tới trước bàn thờ đọc một bài văn chiêu hồn :

Hồn hỡi... hồn hỡi... Xa cây xa cối, xa cội xa nhánh, cuối bãi đầu gành, hùm tha sáu bắt, chết vì thối ngạt, manh áo chén cơm, U-Minh đỏ lỏm, rừng tràm xanh biếc, ta thương ta tiếc, lập đàn giải oan... ơ... hồn hỡi... hồn hỡi ơ... ơ... Bái !

Tất cả mọi người ở phía sau đều xuống gối, mọp sát đất lạy một lạy. Tới khi nghe tiếng 'hưng' mới cho hai tay lên gối, đứng dậy. Tiếp tục 'hưng bái, bái hưng' một chặp, tất cả dạt ra hai bên tả hữu, đứng y như cũ. Liền theo đó trống chiêng nổi lên, Tề Thiên quây thiết bồng vù vù dẫn đầu lân, địa từ ngoài múa vô, tới trước bàn thờ Ông lạy ba lạy rồi quay đầu trở ra ngoài múa cầm chừng, đội đám khiêng nhà giàng lên bàn thờ chia nhau bốn người một quách cốt Ông, khiêng ra để lên nhà giàng. Dẫn đầu là đoàn lân, kế tiếp là con trai trưởng của ông bưng lư hương, sau đó là sáu ông bận lễ phục tiếp theo giàng. Phía sau chót còn có một đám người đi theo hộ tống. Tiếng chiêng, tiếng trống rùm beng, cả đoàn đi dọc theo xóm, ra tới bờ sông, có hai chiếc ghe lớn nổ máy chờ sẵn. Một chiếc chở cốt Ông, một chiếc chở đoàn lân. Sau khi những người theo đưa xuống ghe xong hết, ghe bắt đầu tách bến trực chỉ ra vàm. Ghe chở đoàn lân chạy trước, ghe chở cốt ông theo sau. Chiêng trống cứ tiếp tục lừng tưng xèng... Lúc này đoàn lân còn sung sức lắm, người thay phiên nhau múa, ông địa leo lên tới mũi ghe, đu trên cột hàng hải, Tề Thiên quây thiết bồng vù vù....

Mặc dầu những ngày này gió tốt, biển êm rất tiện cho ghe lướt ra khơi, nhưng chánh ngày nghinh Ông, ngư dân trong vùng phải cho ghe đậu lại một ngày để tiễn đưa ông về biển. Ghe được nổ máy trực sẵn trong bờ, chờ cho đoàn ghe chở Ông ra rời giữa sông, hè nhau một lượt ồ ạt tách bến nổi đuôi ghe nhìn ông. Ghe nào siêng thì chạy đưa ông suốt buổi, làm biếng đưa ra khỏi vàm rồi quay trở về.

Đoàn ghe nghinh ông chạy ra hướng tây, khỏi hòn Chuối, chạy dọc xuống hướng nam, vòng trở lên hướng bắc, vô hòn Đá Bạc thì trời đã xế chiều. Ngày trước nghe nói người ta chạy tới khi nào thấy Ông vọi (tức là thấy cá ông trườn lên phun nước) mới chịu cho ghe trở về. Bây giờ máy móc nhiều quá, Ông sợ, không dám trườn lên nữa nên mới chạy vô vào lúc trời chiều.

Chiều xuống, đoàn ghe cũng vừa về bến. Những người theo đưa đám chỉ có ngồi nên không thấm mệt. Duy có đoàn lân, thay phiên nhau múa từ sáng tới chiều nên trông đã mệt lử. Tề Thiên, thiết bồng vác vai, xụi lơ đi trước, ông Địa giắt quạt bên hông xui xị theo sau. Trống, chiêng đánh cầm chừng, lân lân lêu lắt đầu một cái cho có lệ, anh vũ đuôi bây giờ không còn khò lưng múa cho giống con lân, mà đứng thẳng người lên, hai tay cầm hai rìu đuôi quạt lên quạt xuống, trông con lân bây giờ đít đầu bằng tron nhau.

Sau khi khiêng nhà giàng về lãng, đặt ba cái quách lên bàn thờ, làm thêm một màn 'hưng bái, bái hưng', đọc thêm bài 'hồn hỡi hồn hỡi...' xong, mạnhnh ai nấy về nhà tắm rửa, dĩ nhiên không quên chặp tối phải trở lại lãng.

Tối hôm đó, trai tráng trong xóm đựng rượu để với mấy ông già say...chết bỏ ! Lúc đầu còn nói chuyện mùa màng trời trăng mây nước. Chặp sau rượu vào lời ra có hơi ồn ào. Tới khuya đờn ca cổ nhạc trỗi lên.

Rượu càng say đờn càng cứng nhịp, đêm càng khuya ca càng mùi mẫn....Tiệc tùng dây dưa cho tới khi gà gáy họ mới chịu chia tay. Ngày nginh ông đã hết trong cái không khí cởi mở vui tươi.

Chú thích:

Tập tục thờ cúng trong bài vào thời trước năm 1968, về sau chiến tranh có thay đổi ít nhiều. Bây giờ nghe nói dân ngư bên vòm Sông Đốc vẫn còn nghinh ông hàng năm nhưng chắc thay đổi nhiều hơn nữa.

Tục truyền, hồi vua Gia Long bị Tây Sơn rượt chạy ra tới hòn Sơn Rái, trước khi rút lên núi, quân sĩ để lại nhiều dấu chum trên bãi cát. Bãi rái trắng kéo xuống dẫm hết dấu chum binh sĩ. Khi quân Tây Sơn tới, không thấy dấu vết nên bỏ đi, nhờ vậy Gia Long thoát nạn. Về sau khôi phục Giang Sơn, vì loài rái sống trên núi, vua phong chức Đại Tướng, còn cá ông sống dưới biển nên phong chức Tướng nhỏ hơn rái trắng một bậc.

Cháo chuột

Thuở nhỏ tôi sống giữa ranh giới của hai miệt U Minh, đồng ruộng giáp với rừng cây và sông, rạch. Tuy tôi không được chăn trâu như mấy đứa bạn cùng xóm, nhưng thường những buổi trưa nắng gắt, tôi hay nhập bọn với chúng chia phe chọi lộn và đánh nhau la ó vang cả cánh đồng. Tôi rất thích thả diều và làm diều rất ăn gió. Khi lớn lên tôi không còn thích trò chơi trẻ con ấy nữa. Thay vào đó tôi thường ra ruộng đặt lờ, cắm câu hoặc lội sông mò tôm, chận cá hay vô rừng bắt cua, bắt vọp và bẫy chim, bắt chuột...

Nếu nói tới chuột thì phải nói về miệt U Minh. Nhứt là ra Giêng ruộng đồng khô ráo, bờ ruộng nào cũng có chuột mần hang. Chuột khôn lanh vô cùng, chúng biết sự nguy hiểm đương rình rập chung quanh như chồn, cáo, rắn, trăn... và còn có con người nữa. Nhưng thâm độc nhứt vẫn là con người. Cộng đồng nhà chuột làm hang sâu dưới lòng đất, một bọng hang rộng đủ chứa hàng trăm con và hang có rất nhiều ngõ ngách phòng thoát thân khi gặp nguy hiểm. Vậy mà người ta lấp đất chận kín hết các miệng hang ngách, chỉ chừa lại hai miệng hang chính, một miệng chận lưới hoặc gán nguyên cái lờ đặt cá tổ chẳng, còn miệng kia thì dòn rơm, chằm lửa rồi quạt cho khói lòn vô hang... Những con chuột bị ngộp khói chạy ra cửa hang duy nhứt, liền bị dính lưới hoặc chui vô lờ, con nào chạy thoát ra ngoài nếu không bị chó chụp thì cũng bị người ta cầm cây đập chết ngay tại chỗ.

Trên đây là một trong những cách bắt chuột đồng. Trước khi nói chuyện bắt chuột rừng thì tôi xin kể một cách ăn chuột rừng cũng khá hấp dẫn. Thời đó U Minh Hạ đất rừng nhiều vô số, người ta muốn khai hoang lấy đất trồng trọt thường dùng cách đốt rừng. Cách này rất có lợi, ngoài việc lấy được đất làm ruộng hoặc làm rẫy người ta còn chận bắt sống được rùa và đập được rắn. Trong lúc lửa đương cháy, chuột chạy loạn xạ nhưng không ai để ý bắt làm gì. Chờ lửa tắt hết người ta mới xách giỏ đi vô đám tro tàn tìm rùa, rắn và chuột bị cháy lượm đem về chòi bày ra nhậu với rượu để tại chỗ. Rùa và rắn bị thui có trứng ăn mới ngon chớ thịt thì ăn thua xa thịt chuột. Nhứt là khi gạt bỏ hết lớp da chuột bị cháy, xé hai cái đùi phía sau chắm múi tiêu ăn kèm với bần chua và uống rượu để thì khô lân chả phụng cũng không sánh bằng.

Bắt chuột rừng không phải rườm rà như bắt chuột đồng, chỉ cần một cái roi vừa tầm và con chó khôn ngoan, trung thành với chủ là được rồi. Vào những ngày mùa mưa, người ta cầm roi, mang bao và dắt theo con chó, đi vô rừng tìm những cây rậm lá, nơi có nhiều chuột núp tránh mưa. Thoạt tiên người chủ leo lên đập roi đuổi dồn chuột ra một nhánh rồi tay nắm cành cây rung và tay kia vung roi đập mạnh vô thân cây. Bọn chuột thấy cành cây rung và nghe tiếng đập xành xạch, chúng hoảng hồn nhảy càn rớt xuống đất, phía dưới chó hờm sẵn chụp cắn chết từng con chuột rồi tha gom lại để chung một chỗ. Vừa rung vừa đập cho tới khi hạ được con chuột cuối cùng người chủ mới ngưng tay rồi leo xuống đất, lượm hết số chuột bỏ vô bao, sau đó chủ và chó đi tìm lựa cây khác có nhiều chuột tiếp tục bắt... Chuột ở rừng ăn trái cây rừng và lá rừng nên thịt ít mỡ, ngoài chế biến những thức ăn bình thường, người ta còn làm chuột muối, chuột khô. Chuột đồng nhờ ăn được lúa nên mập và thịt có nhiều mỡ, cho nên nấu những món ăn liền rất ngon, chớ đem muối và làm khô thì không ngon bằng chuột rừng.

Làm thịt chuột mỗi người mỗi cách, nhưng thông thường có ba cách. Một là nấu nước sôi trụng chuột rồi lột da, moi bỏ ruột chừa lại lá gan, hai là đốt rơm thui chuột xong lột da, moi bỏ ruột lấy gan, ba là không cần trụng nước sôi, cứ cắt đầu chuột rồi lột da, làm ruột sạch. Nhưng tốt nhất là sau khi bắt chuột về, trước khi đem chế biến món ăn, người ta đem ngâm nước lạnh rồi trụng nước sôi, làm sạch ruột và bỏ vô thau ngâm nước lạnh một lần nữa cho thịt chuột trắng và không có mùi hôi.

Những món nhậu có chuột ướp ngũ vị hương áp chảo hoặc nướng và chuột khìa nước dứa, chuột cà ri... Tuy nhiên ngon nhất vẫn là món thịt chuột nướng ngũ vị hương, xì dầu và ăn với rau sống, dưa leo, khế, chuối chát, chấm nước tương ớt, tỏi băm. Còn món ăn cơm thì có chuột kho sả ớt, chuột nấu canh chua, chuột xào lá rau muôi hoặc lá cách. Thịt chuột tuy chưa sánh được với cao lương mỹ vị trong thực đơn các nhà hàng sang trọng, nhưng dân quê sánh ngang với thịt gà qua câu đồng dao:

*Thịt gà đương luộc
Thịt chuột đương xào
Thầy đứng ngoài rào
Thầy hô béo béo...*

Lần về quê vừa rồi tôi có ghé chơi nhà anh bạn, anh ấy dẫn tôi tới một quán ăn đặc sản của miệt đồng bằng sông Cửu Long. Quán được trang trí với những căn nhà nhỏ nhỏ nép mình bên hàng tre, trúc... Khung cảnh đồng quê mộc mạc tạo cho thực khách có cảm giác rất thoải mái, nhẹ nhàng. Thực đơn toàn các loại chim, chuột, rắn, rùa, trăn..., con nào cũng còn sống. Anh bạn giới thiệu cho tôi món chuột nướng lu và khen món này ngon nhất so với các món trong thực đơn. Đối với tôi món nướng thì bất cứ thịt nào cũng ngon chứ không riêng thịt chuột. Tuy nhiên món chuột nướng lu tôi có nghe nói khi còn ở nước ngoài chứ chưa thấy cách nướng ra sao. Tôi đem thắc mắc của mình nói với anh bạn, anh bạn liền hỏi chủ quán cho tôi vào bếp xem chỗ nướng chuột. Chủ quán không chút ngần ngại, vui vẻ dẫn tôi vô bếp. À, thì ra đây là một cái oven làm bằng chiếc lu sành đựng nước, người ta đốt lửa bên ngoài cho nóng để nướng những con chuột đã lột da trần trụi và ướp gia vị móc treo tòn teng ở trong lu..

Thịt chuột nướng lu ăn kèm cóc xanh băm nhỏ và chấm với muối tiêu chanh... Các thực khách ngồi những bàn chung quanh ăn uống rất tự nhiên. Và anh bạn tôi vừa ăn vừa khen ngon... bá chấy! Riêng tôi thì cứ áy ngại trong lòng. Trong chúng ta ai cũng biết, trên đất nước Việt Nam mình đã bị ô nhiễm đến mức báo động. Nhất là từ thượng nguồn sông Mê Kông, phía bên Trung Quốc người ta thả rác rến, đồ dơ xuồng và những xưởng máy dọc theo ven sông họ xả nước độc vào dòng sông, thấm vào trong đất đai xứ sở này mỗi ngày một nhiều... Chim chóc trên trời, thú vật trong rừng, động vật dưới lòng đất và cá dưới dòng sông... loài nào cũng có thể bị nhiễm độc được hết. Chuột là một loại động vật chui rúc bất cứ hẻm hóc nào thì làm sao tránh khỏi. Dù cho không bị nhiễm bởi môi trường thì chính người chế biến thức ăn đã pha chế biết bao nhiêu thứ phụ gia sao cho món ăn trông được mắt và ngon lành bất kể là chất đó có độc hay không. Những ngày lưu lại quê hương, tôi vô bất cứ hàng quán nào, trông thấy món ăn được trưng bày đẹp và mùi vị thơm tho, quá hấp dẫn thì tôi đâm ra nghi ngờ. Hồng ăn thì sợ bạn bè trách mình phụ lòng, ráng ăn vài miếng và giả bộ khen ngon, nhưng khi nuốt miếng thịt khỏi cổ họng thì muốn ọ ra, làm tôi phải rót rượu uống liền liền. Rượu gạo nhẹ quá không đủ độ dẫn mấy miếng thịt chuột, tôi cảm tưởng như có mấy con chuột lờn vờn trong cổ họng muốn trực...bò ra.

Không biết tại thịt chuột nướng lu hay tại tôi uống quá nhiều rượu gạo mà đêm hôm đó về nhà tôi mưa thâu mặt xanh, làm hai vợ chồng anh bạn lo lắng đến hốt hoảng đề tôi ra người cạo gió, người thoa dầu một chập mới yên...

Sáng ra, tôi cảm thấy trong người rất nhẹ nhàng nhưng mình mẩy thì ê ẩm và bầm tím. Tôi ra nhà tắm đánh răng rửa mặt. Khi tôi trở vô thì vợ anh bạn đã dọn sẵn bữa điểm tâm và mời tôi vào bàn. Chị múc đũa tôi tô cháo thịt băm rắc tiêu hành thơm phức. Chị khuyến khích: "Cháo thịt chuột bổ lắm đó, chú ăn đi cho khỏe!"

Gửi nhà văn Nguyễn Ngọc Tư

Tôi đã đọc thư nhà văn Nguyễn Ngọc Tư gửi ông Sơn Nam trên mạng, đúng ra nếu là thư riêng thì tôi hẳn xía vô làm gì, nhưng thư đã đăng báo cho nhiều người đọc nên tôi xin có đôi lời cùng với nhà văn.

Trước tiên tôi xin phép gọi nhà văn bằng cô Tư cho dễ nói chuyện, dù sao tôi cũng lớn tuổi hơn cô. Đọc thư thấy cô thẳng thắn thì tôi cũng xin nói thiệt lòng. Trong thư cô Tư “méc” với ông Sơn Nam về thói hư tật xấu của Nhà Quê, viết hoa. Tôi là một người nhà quê bình thường, giang hồ đã hơn hai chục năm trời nhưng nỗi nhớ quê hương trong lòng vẫn còn sâu đậm. Từ ngày ở miệt Cà Mau, quê hương tôi, xuất hiện nhà văn Nguyễn Ngọc Tư như một vì sao sáng, tôi rất vui mừng và vô cùng hãnh diện. Hễ nghe Nguyễn Ngọc Tư có truyện mới thì giá nào tôi cũng tìm đọc cho bằng được. Mấy năm nay đọc truyện của cô vui có, buồn có và cũng có truyện cười ra nước mắt. Tuy nhiên lần này đọc xong lá thư của cô gửi ông Sơn Nam thì tôi có hơi hơi... bị bức xúc.

Tôi sống trong nước hồi thời Mỹ đóng ở miền Nam. Thời đó bôm đạn Mỹ thì nhiều vô số nhưng táo (bôm) thì hiếm hoi, thỉnh thoảng xin hoặc mua của những người làm sở Mỹ được một vài trái rồi cắt ra từng miếng nhỏ chia cho cả nhà, đôi khi gặp trái bị úng gọt bỏ phần úng ăn phần còn lại. Sau này tôi ra nước ngoài thấy bôm bán hàng đông trong siêu thị, loại màu đỏ bầm thì ngọt ngọt chua chua, loại xanh thì chua chua ngọt ngọt hoặc chua lè chua lét và có loại trái nào trái nấy bự tổ bố, muốn cầm phải xoè hết nguyên bàn tay ra bợ, nhưng khi đưa lên miệng cắn một cái thì nghe xộp xộp hồng mùi vị gì ráo, còn thua mộng dừa thiệt đó cô Tư à. Chưa hết, nhiều lúc cạp trái bôm ăn gần phân nửa thì chợt thấy con sâu từ trong ruột ngoe nguẩy bò ra. Nhà Quê bây giờ còn phân biệt được ngon, dở và đem so sánh bôm với mộng dừa cũng là tiên bộ lắm rồi. Mai một cô Tư đi mua bôm nhớ thử tại chỗ trước chớ đừng thấy cái gì có *made in USA* liền cho là thượng hạng mua thí mua càn, mắc tiền còn gặp nhảm đồ dỏm đem về bị Nhà Quê chê rồi cô trách họ thì không được công bằng cho lắm. Trái cây miệt vườn ở Việt Nam mình như măng cụt, sầu riêng... mùa cây nào thì ăn trái nấy. Tôi nhớ hồi đó tới mùa sầu riêng thì chất đóng, măng cụt thì đầy cặn xé để sắp lớp ngoài chợ bán sỉ và lẻ rề rề, mặc sức mua đem về ăn tới chảy máu cam và lòi ghèn con mắt. Nhảm khi trái mùa măng cụt, sầu riêng mắc giàng trời mà cũng có người mua ăn... Theo tôi biết thì có một số người, kể cả dân thành phố và người Việt ở nước ngoài chớ không riêng gì Nhà Quê, hồng quen mùi sầu riêng nhưng vẫn biết đây là loại trái quý nên có ai tặng thì họ đem tặng lại cho nhà hàng xóm chớ hồng có liêng bậy liêng bạ ra sân, tuy nhiên số người này ít lắm. Cô có quơ đũa cả nắm hồng cô Tư? Hay là tại tui xa quê nhà lâu quá rồi nên Nhà Quê ngày nay đã sống thụt lùi và phản tiến bộ tới một trăm tám mươi độ la bàn mà tui hồng biết? Trái cây ngoại quốc vì lý do nào đó bị Nhà Quê tẩy chay cũng được, chớ cây nhà lá vườn mà bị chê, quả thiệt như vậy thì đầu óc của Nhà Quê mình có vấn đề nặng lắm, cần phải mời bác sĩ tâm thần về khám và chữa trị mới mong khá nổi.

Cô trách Nhà Quê hồng chịu đọc báo và coi thời sự trên ti vi, hồng biết tiếp thu cái mới và đôi khi sống cực đoan nữa. Chuyện báo chí, ti vi nước mình nói ra thì dài dòng, hơn nữa bút cây thì động rừng, nên tôi vẫn tắt đại khái thôi. Cô vừa viết văn, làm báo vừa làm hội đồng tình thì cô biết rõ chuyện báo và đài nước mình quá rồi còn gì. Nhà Quê kéo nhau xuống đường khiếu kiện vụ nhà đất bị cán bộ nhà nước cướp, những công nhân đình công, nghiệp đoàn đứng theo phe chủ để ăn hiếp họ và còn nhiều chuyện động trời khác... khắp thế giới ai cũng biết nhưng báo chí, radio, truyền hình trong nước không loan, lại đánh lạc hướng bằng cách loan toàn chuyện trên trời dưới biển hồng có dính líu gì tới Nhà Quê hết thì cầm tờ báo lên họ buồn ngủ cũng phải. Báo giấy trong nước “bị cắt xén ra từng mẩu bằng... bàn tay để ngồi trong cầu cá tra buồn tình sẫm soi vài chữ” thì cũng không tệ. So ra báo nước nhà xài cho việc trong cầu cá mà mộng đít hồng bị lem luốc đen thui như mộng của mấy con khỉ lọ nôi trong rừng đước Năm Căn thì giấy mực sản xuất ở Việt Nam cũng là hàng cao cấp chớ không phải bở.

Ngày tôi còn ở quê nhà vào những đêm trăng sáng, trời khô ráo nhiều bà già tụ tập con cháu lại, trải chiếu ra sân, ngồi kể chuyện đời xưa, chuyện ma quỷ cho con cháu nghe. Nhứt là mỗi khi mần con nước ghe đánh cá kéo lưới lên bến vá. Nhiều ông già ngồi nhà buồn miệng mới lom khom chống gậy xuống bến ngồi kể chuyện đời, chuyện Tam Quốc, Tây Du... và những câu chuyện truyền kỳ cho ngư phủ và các cô vá lưới nghe. Nhân đây xin kể cô nghe một câu chuyện mà tôi còn nhớ được để cô khỏi thắc mắc: “Tại sao bà mà là cặn được ta?”

Chuyện rằng: “Ngày xưa, lúc chưa có lưới dân ngư bắt cá bằng cách xuống biển mò. Có bà mẹ và ba đứa con trai sống trong một làng ven biển. Một hôm bốn mẹ con cùng với dân làng ra bãi mò cá. Tình cờ bà mẹ bị sóng cuốn trôi. Ba cậu con trai bèn lặn xuống biển mò tìm xác mẹ, nhưng mò hoài không được. Ba cậu về nhà nghĩ ra một cách là xe chỉ đan thành miếng lưới. Đan lưới xong ba cậu đem ra biển thả xuống rã, ngày này qua ngày nọ nhưng vẫn không tìm được xác mẹ, thay vào đó cá đóng lưới rất nhiều. Dân mò cá trong làng thấy vậy mới bắt chước xe chỉ đan lưới đánh cá, nhờ có lưới dân làng đỡ vất vả mà lại được cá nhiều và có đời sống sung túc hơn. Sau này ba cậu chết, người ta nhớ ơn lập bàn thờ Ba Cậu. Cũng từ đó dân ngư xem Ba Cậu như là tổ của nghề chài lưới. Khi ra biển họ vái Ba Cậu phù hộ cho mạnh tay khỏe chum, đi sao về vậy và cá trúng đầy ghe...” Câu chuyện tuy là sản phẩm tưởng tượng nhưng nó giúp cho dân biển có một niềm tin mỗi bận ra khơi đương đầu với sóng to gió lớn. Có thể sau 30. 4 1975 hình ảnh đẹp của những ông, bà già ngồi kể chuyện cho con cháu nghe không còn nữa. Thời gian đã làm nhạt phai, người ta quên dần mà gọi Ba Cậu thành ra Bà Cậu và tạo cơ hội cho những kẻ xấu lợi dụng làm chuyện bất nhơn để lường gạt những người dị đoan mê tín.

Cô Tư trách những con “mắt khóm” của Nhà Quê đã nhắm hết rồi. Cô có làm không? Tôi nghĩ chuyện gì nhà quê cũng biết, nhưng biết rồi thì làm gì bây giờ? Ông bà ta có nói, thấp cổ bé miệng hoặc ngắn cổ khó kêu. Nghĩ cho cùng thì dân chúng đã mất niềm tin vào xã hội, con người và không còn hy vọng gởi gắm đời sống tinh thần vào những nơi tôn kính như chùa chiền, nhà thờ thì họ nương nhờ “cái xóm đó, con kinh đó, bờ chuối, bờ dừa đó...” hoặc họ tin theo đồng cốt coi như nơi trú ẩn của đời sống tâm linh.

Số đề tùm lum, nò, đó cản trở lưu thông trên sông, rạch dù bất cứ ở đâu thì có người bảo kê nó mới tồn tại được chớ không riêng gì trong lòng Nhà Quê. Chuyện đi ăn giỗ đóng tiền, trai gái lấy nhau quá sớm... Thiết nghĩ giáo dục dân chúng là chuyện của nhà nước, dẹp bỏ tệ đoan xã hội là trách nhiệm của công an, cảnh sát chớ Nhà Quê thì lấy quyền gì mà dẹp được hả cô Tư. Theo tôi thì “bức tường xây lâu ngày vôi vữa bắt đầu rơi...” là do chủ nhân chỉ biết ăn nhậu hồng lo bảo trì mới ra cơ sự. Thượng bất trách thì hạ tất... lè phè. Nhà Quê không nổi loạn giữa xã hội có nhiều người chỉ biết ăn trên ngồi trốc, núp mát ăn bát vàng như hiện nay cũng là một công dân hiền từ lắm rồi, cô Tư còn phàn nàn gì nữa.

Tuy nói là nói vậy nhưng Nhà Quê còn nhiều thói hư tật xấu cần phải nên sửa đổi. Thí dụ ngày trước gã chồng cho con gái, trước ngày vu quy, má kêu con gái mình lại dạy dỗ cách ăn ở sao cho đẹp dạ bên chồng... Ngày nay trước khi gã con gái lấy chồng ra nước ngoài ba, má chạy theo căn dặn, ra ngoài rồi gởi tiền về cho ba má cất nhà, mua xe hay đầu máy video... Đây là nguyên nhân gây ra bao thảm kịch chết người đó cô Tư... Nếu cô thấy còn chuyện xấu xa nào khác thì cứ méc với cụ Sơn Nam và nhớ méc giùm chuyện tôi vừa kể để cụ nghe xong cụ buồn chơi năm phút... Nhà Quê hồng giận cô đâu, trái lại còn mang ơn cô nữa. Nhưng có một điều là cô cũng phải lắng nghe Nhà Quê phân trần chớ đừng ý lại mình là nhà văn nổi tiếng rồi thì hồng chịu nghe ai hết. Người nào có đủ tư cách đội nón và bôi đen nhà văn Nguyễn Ngọc Tư? Hồng phải nhà văn Nguyễn Ngọc Tư đã là hảo hán đầu đội trời chum đập đất rồi đó sao...

Chúc cô Tư cùng gia đình luôn luôn hạnh phúc.

Hamburg hè 2007

Bão ngoài trời bão trong lòng

Trước khi lên hội quán anh có bỏ ít tiền vô bao thư định lát nữa gắp Nonie nhờ nó gởi giúp những người bị bão Hải Yến ở bên Phi Luật Tân. Nhưng nãy giờ ngồi trước hội quán uống hết hai chai bia rồi mà không thấy mặt mũi nó đâu hết. Chợt thấy Gel bận áo sơ mi trắng, choàng áo lạnh màu vàng, quần jeans, vai mang túi da trắng trông không có vẻ gì là nhân viên hết, từ trong hội quán đi thẳng ra chỗ anh ngồi. Anh chỉ mới hello chào, chưa kịp hỏi gì thì cô liền khoe:

– Tui từ Manila mới qua.

Cô tháo túi xách để lên chiếc ghế bên cạnh và kéo ghế trước mặt ra ngồi xuống.

– Tui nghe Nonie nói cô đi thăm gia đình. Nghe bên đó bão lớn lắm, nhà cô có sao không?

Gel lắc đầu:

– Hồng sao, hồng sao, Manila hồng sao, cô đưa ngón tay trở chà chà vô ngón tay cái nói tiếp, nhưng tốn khá nhiều tiền.

Gel nhìn ra khoảng không gian rộng, phía trước có hàng cây lưa thưa lá vàng và sau hàng cây là một tòa nhà chọc trời, cô nói:

– Mấy hôm trước nơi đây cũng có bão nhưng nhà cửa ở Đức kiên cố nên ít thiệt hại hơn ở Phi Luật Tân.

Anh cười pha chút khôi hài, nói:

– Ờ há, chỉ tội cho cây cối bị gió quật ngã nghiêng và toi bời lá hoa rụng.

Mặt Gel tỏ vẻ buồn và nghiêm nghị nói:

– Cái ông này! Chuyện buồn mà...

Anh chồm người qua nhìn thẳng mặt Gel cười cười:

– Mỗi năm nước Phi chịu hàng trăm trận bão, hồng lẽ cô đau buồn suốt năm. Cô coi, bão chạy qua tàn phá miền Trung Việt Nam làm nhà sập, người chết mà tui có buồn đâu.

Gel ngẩng đầu lên, nói:

– Ờ, hồi còn ở bên tui nghe nói người Việt cũng gọi tiền, gọi người qua giúp dân Phi.

– Thì hồi trước dân Phi giúp dân Việt, bây giờ họ giúp lại. Nhưng có thấm thía gì đâu, cả thế giới giúp dân Phi đó mà.

Gel đưa ngón tay cái ra gặt gặt:

– Nhưng người Việt Nam tốt.

Anh dí dỏm:

– Cầu trời cho Phi Luật Tân bị bão hoài hoài để người Việt có cơ hội chứng tỏ lòng tốt với dân Phi.

Gel đưa tay vừa xỉ lên giữa trán anh vừa nói:

– Ông này, lúc nào cũng khôi hài được, gần chục ngàn người chết chớ hồng phải chơi!

– Nhưng ngồi đây mình làm được gì? À, làm được, làm được, cái này ai cũng làm được và làm rất dễ.

– Cái gì?

– Cầu nguyện, cô cầu nguyện với tui, tui bảo đảm hồng tốn xu nào.

Anh liền ngồi ngay ngắn, chắp hai tay, cúi đầu nhép nhép miệng... Gel cười thành tiếng:

– Ha ha... ông còn làm được cái này nữa, cũng hồng khó.

Anh ngược lên:

– Cái gì?

– Mời tui ly bia.

Anh làm mặt nghiêm:

– Còn đòi uống bia... gần chục ngàn người chết chớ đâu phải chơi!

Gel ngẩng người dựa lưng ra sau ghé trở mắt nhìn anh, có lẽ cô phân vân không biết anh nói thiệt hay chơi...

Sợ cô mất hứng anh liền đứng dậy cười hi hi:

– Uống rượu, uống rượu đi, rượu ngon hơn bia.

Vỡ lẽ ra Gel bật cười và cả hai cùng cười ha hả. Anh đứng lên đi vô bar mua chai rượu nho trắng ướp

lạnh, loại rượu mà Gel thích, mượn hai cái ly và cái mâm, mua bạch da heo chiên giòn, xin chén dấm ớt, da heo chiên giòn chấm dấm ớt nhạt rất bắt. Xong, anh sắp mọi thứ lên mâm bưng ra để lên bàn. Gel cười cười, hỏi:

– Tiệc mừng hả?

Anh gật gật đầu:

– Ủa, mừng chứ, mừng cô còn sống sót trở về.

Nét mặt Gel trở nên nghiêm nghị:

– Lần này tuy bão lớn, thiệt hại rất nhiều nhưng tui thấy buồn nhưng hông đau khổ hơn lần trước.

– Tại cô hồng phải là nạn nhân.

Anh tháo bạch da heo ra trút vô đĩa, rót rượu ra hai ly và ngược lên hỏi:

– Ủa, trận bão trước kia! Cô có bị bão sao?

– Trước kia vùng quê tui bị bão cho nên gia đình tui tản cư lên Manila. Lúc đó đâu còn tiền, tui mới làm trong quán bar, tình cờ gặp anh chàng người Đức, đưa tui qua đây làm trong phòng đèn đỏ, sau đó tui bị bệnh không làm được nữa mới bị cho ra đứng đường. Rồi hôm trời mưa giông, tui lại gặp ông trong quán ở Bremerhaven. Ông cho tui một trăm hai mươi lăm Mark, ông hồng nhớ sao?

Chuyện này anh nghe cô nhắc đi nhắc lại mỗi khi có chuyện buồn nên anh cũng không để ý chuyện bão bùng. Anh không muốn cô nàng nói tiếp câu chuyện, anh nói:

– Nhớ rồi, cái chuyện xa lắc đâu hồi Âu Châu chưa xài euro. Chuyện buồn mà cô nhớ hoài làm chi .

Tuy nhiên trước khi kể tiếp có lẽ phải bắt đầu từ cái năm nào không nhớ, nhưng anh chỉ còn nhớ cái thời tiền euro chưa ra đời. Đêm hôm đó anh lên bờ chơi tới gần khuya, chợt giông gió nổi lên, tắc xi không chạy được, anh bèn ngồi lại quán bar chờ cho cơn gió dịu. Chợt một cô gái người Phi thân thể cao ráo, đi tới bên anh khép nép chào và xin ngồi trên chiếc ghế trống cạnh bên, cô không phải người ốm nhưng trông tiều tụy trong chiếc áo lông màu đỏ, da vẻ nâu nâu nhưng không dấu được nét xanh xao bệnh hoạn. Trong quán cả đồng đàn ông tới đây ăn nhậu và tìm gái mua vui. Nếu không thì cũng như anh, ngồi uống bia ngắm nghĩa cho đỡ thèm, vậy mà không ai để ý tới cô hết. Động lòng trắc ẩn anh mời cô ly bia, cô từ chối uống bia và xin ly nước lọc, anh mua cho cô chai nước lọc. Nét mặt dầu dàu mệt mỏi, nhưng cô vẫn tươi cười vui vẻ và hỏi xin anh năm chục mark, đổi lại cô sẽ dùng miệng cho anh thỏa mãn... Anh nhìn qua cô gái, tuy mùi dầu thơm từ thân thể cô xông lên nồng nặc nhưng không át được cái mùi hôi từ miệng cô phả ra ngậy ngậy. Anh dùng mình một cái:

– Ý, đâu được, cái miệng của cô mà ngậm vô, cây kèn của tui bị nghẹt sao!

Cô gái thờ dãi ra chiều thất vọng làm anh ái ngại. Chỉ vì chút tách bỡn chợt bầm sinh, lỡ miệng nói ra làm xúc phạm tới cô gái. Trong cuộc sống nghiệt ngã này đã dạy anh không được phép khinh thường bất cứ ai, và bất cứ vật nào có mặt trên trần gian này. Anh ân hận choàng tay qua vai cô ả xoa xoa bóp bóp, dịu giọng:

– Xin lỗi, tui giỡn chơi thôi.

Cô xoa tay lia lịa:

– Hồng sao, hồng sao...

Nhìn cô gái anh có cảm giác cô đang gặp chuyện khó khăn cần giúp đỡ. Anh hỏi:

– Cô cần năm chục mark chi vậy?

– Mua vé xe đi Hamburg tìm người quen nhờ họ giúp trị bệnh.

– Cô bệnh?

Cô gái gật đầu, mắt long lanh buồn buồn... Thấy vậy anh móc bóp lấy hết xấp tiền giấy đưa cho cô và nói:

– Tui còn có bao nhiêu thôi, cô cầm đi.

Cô nàng cầm tiền xong cảm động nói:

– Đủ quá rồi, cảm ơn ông nhiều lắm.

Anh day ngang uống bia tiếp. Cô ta thấy anh không nói gì bèn kê miệng gần tai anh nhắc:

– Bên trên có căn phòng, ông lên đó với tui...

Anh day qua, nghiêm nghị nói:

– Trông cô mệt lắm rồi, tìm chỗ nghỉ ngơi, sáng mai còn đi Hamburg.

Cô gái từ từ đứng lên, gài nút áo lạnh, choàng lại khăn cổ, cúi xuống hôn anh một cái và nói lời cảm ơn rồi bước ra cửa. Anh nhìn theo cô gái chập lờ thờ dài thăm nói:

– Chắc, thêm một mảnh đời tươi tã...

Ngoài trời mưa giông đã dịu từ lúc nào. Anh ngó lên chiếc đồng hồ tường thì đã hơn ba giờ sáng, định kêu tắc xi nhưng trong bóp chỉ còn có mấy đồng tiền cắc, đành kéo áo lạnh lên cho kín và cuốc bộ về tàu.

Băng đi một thời gian khá lâu, anh đã quên mất chuyện mưa giông đêm ấy. Chợt một hôm lên hội quán gặp lại Gel, chuyện đời cũng ngộ, có người quen nhau rất lâu và xa nhau thời gian ngắn gặp lại ngỡ ngỡ, còn anh với cô gái gặp nhau có một lần trong đêm và sau khi chia tay ra đi anh đã quên băng, nhưng không hiểu sao vừa gặp lại, cả hai liền nhận ra ngay. Cô nàng mừng rỡ ôm chầm lấy anh hôn hai ba cái lên má, làm như lâu ngày mới gặp người yêu. Nhìn băng hiệu trên ngực anh mới biết cô tên Gel và là nhân viên trong hội quán.

Chào hỏi xong Gel nói:

– Ông ở đây được bao lâu?

– Tàu mới ghé, mai khởi hành.

– Tui phải làm việc tới mười giờ...

Ngẫm nghĩ một chút Gel nói:

– Ở, hay là lát nữa nghỉ giải lao tui lại nói chuyện với ông.

Anh gật đầu chỉ tay ra chiếc bàn trống cạnh sân bóng rổ:

– Ô kê, tui ngồi đằng kia chờ cô.

Anh đi vô bar mua bia rồi bưng ra ngồi bên chiếc bàn trống. Chiều hè sáng sủa, không khí mát mẻ, cây lá xanh tươi. Anh ngồi xem hai đội banh đấu nhau bình bịch nghe vui tai và trông cũng vui mắt.

Một lát sau tay cầm chai bia, tay chai nước ngọt, Gel đi ra ngồi đối diện anh. Gel mời anh chai bia, còn cô thì uống nước ngọt. Anh hỏi thăm sức khỏe. Cô khoe:

– Tui đã hết bệnh rồi.

Bây giờ anh mới nhìn rõ mặt Gel. Cô không xài son phấn, nhờ vui vẻ yêu đời cô tươi thắm hồn nhiên và nhờ khỏe mạnh, không dùng dầu thơm cũng thoang thoảng mùi hương quyến rũ. Gel cười:

– Làm gì nhìn tui vậy?

– Trông cô đẹp lắm, không đợi Gel phản ứng anh hỏi luôn, cô có chồng con gì chưa?

Cô cười cười:

– Tui mà chồng con gì.

– Sao vậy? Trông cô còn hấp dẫn lắm mà.

- Tui bệnh không có chồng được.
- Cô mới nói đã hết bệnh rồi mà.
- Thì sức khỏe tốt, bình thường...

Cô chỉ chỉ ngón tay trở vô phía dưới bụng nói:

- Chỗ này có vấn đề...
- Ô kê, nhưng đừng nói là cô đã chuyển giới tính à nhe.

Gel khoát tay lia lịa.

- No... no... no...

Cũng từ đó tới nay hề mỗi lần về Hamburg, đêm nào không vô phố thì anh lên hội quán, khi nào Gel bận việc thì hỏi qua vài câu, không thì ngồi với nhau uống bia hoặc uống rượu nói chuyện đời sống, chuyện tình người. Thỉnh thoảng Nonie cũng ngồi chung góp chuyện.

Anh đưa ly rượu qua mời:

- Thôi, uống đi cho quên chuyện cũ.

Gel cầm ly lên cụng, hớp một hớp, để ly xuống, lấy giấy lau miệng, nói:

- Từ đêm gặp ông tui mới biết trên đời này còn có nhiều người tốt.
- Đi nhiều và gặp khó khăn mới biết được lòng người, sống êm ả một nơi thì thấy ai cũng như ai.
- Có nhiều chuyện muốn quên nhưng khó vô cùng.
- Không quên hết được thì quên một nửa thôi.

Gel cười:

- Cái ông này lúc nào cũng rắc rối. Quên mà quên một nửa nghĩa là sao?
- Cô hồng thông minh chút nào hết. Thí dụ như đêm hôm đó cô chỉ cần nhớ từ lúc đi Hamburg gặp người bạn giúp cô trị bệnh và tới khi gặp Nonie giới thiệu việc làm cho cô, tức là cô chỉ nhớ một nửa, cái phân nửa này đủ để cho cô bớt khổ tâm rồi.

Gel gật gật đầu miệng lẩm bẩm:

- A ha... Có lý, có lý... Nhưng làm được như ông nói hồng dễ đâu.

Anh chỉ tay ra hàng cây phía ngoài, nói:

- Cô thấy không, bão ngoài trời đã qua từ lâu và cây cối vẫn đứng yên sừng sững.
- Con người phải giống như cây cối thì sướng biết bao.
- Con người biết suy nghĩ, cô thấy rồi đó, trong cuộc sống ai cũng có những lúc khó khăn, trải qua biết bao nhiêu sóng gió trong đời mà chúng ta vẫn sống cho tới ngày hôm nay, thì dù sao đi nữa mình cũng là người may mắn. Nếu cô có bất an về chuyện gì thì cô nên ngồi lại bình tĩnh xem mình có thể làm được gì xoa dịu không, được thì làm, hồng được thì cứ để mặc cho nó tự nhiên qua đi.

Gel đưa tay lên bóp trán:

- Mỗi lần có chuyện buồn và tâm bất an, ngồi nói chuyện với ông một lát tui cảm thấy vui và an tâm.

Anh bưng rượu lên cúng, hóp một hóp cạn ly. Anh định rót thêm nhưng chai rượu đã gần hết, anh rót cho Gel phân nửa và anh phân nửa. Anh khoa tay ngang lên mặt bàn nói tiếp:

- Đúng ra cô vui vẻ và an tâm là nhờ cái mớ này đây.
- Nãy giờ hai người lai rai hết chai rượu nho và gần hết bịch da heo chiên giòn:
- Cô uống nữa hông?

Gel lắc đầu.

- Thôi đủ rồi.

Anh ngó quanh một vòng rồi day qua hỏi:

- Hôm nay Nonie hông làm việc sao?
- Không, ảnh nghỉ vài hôm lo chuyện giúp người.
- Vậy thì mình uống hết cái này.

Hai người cúng ly nốc cạn phần rượu. Để ly xuống, anh gom vỏ chai, bọc, đĩa để hết vô mâm.

- Ông để tui.

Gel hai tay bưng chiếc mâm đứng dậy và hỏi:

- Ông muốn xuống tàu bằng xe của hội quán không?
- Khỏi, tui cuốc bộ quen rồi, hơn nữa tàu đậu cảng gần đây.

Gel đem đồ vô trong lát sau trở ra lấy chiếc túi xách mang lên vai.

- Tui vô trong có chút chuyện, lát nữa gặp lại.
- Tui phải xuống tàu rồi.

Gel chìa tay ra bắt:

- Vậy lần sau gặp lại.

Chờ Gel đi rồi anh mới day lưng cất bước. Theo thói quen, đi bộ anh hay thọt tay túi quần, chợt đụng cái bao thư, anh bèn day lại, thấy Gel đi gần tới cửa hội quán. Anh vừa chạy vô vừa gọi lớn:

- Gel, Gel...

Gel ngoái lại. Anh tới trước mặt, chìa bao thư cho Gel:

- Cô đưa cái này cho Nonie dùm.

Gel à một cái và cầm lấy bao thư nhét vô túi xách:

- Tui biết rồi, cảm ơn ông nhiều.
- Cái này hông phải cho cô đâu.
- Cái ông này!

Brevick, 27/11/2003

